



565 - 593

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK1 2022-2023

Học phần: Nguyên lý kế toán

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	0901010500	Đặng Hoàng	Quý Anh	27/10/2003	NH9A	565	5,9	01	Anh	le'
2	000002	0901010897	Ngô Thị	Lan Anh	27/12/2003	NH9A	576	2,9	01	Anh	chấn
3	000003	0901070787	Đỗ Ngọc	Ánh	07/04/2003	NH9A	567	7,0	01	Anh	le'
4	000004	0901010358	Nguyễn Thị	Ngọc Ánh	11/12/2003	NH9A	578	0,8	01	Anh	chấn
5	000005	0901010347	Dương Gia	Bảo	11/11/2003	NH9A	579	3,8	01	Anh	le'
6	000006	0901010423	Đỗ Linh	Chi	31/10/2003	NH9A	570	1,0	01	Chi	chấn
7	000007	0901010846	Dương Tuấn	Đạt	08/08/2003	NH9A					HP,ĐK
8	000008	0901010123	Ngô Thành	Đạt	18/11/2003	NH9A	571	2,8	01	Anh	chấn
9	000009	0901010372	Ma Văn	Đức	24/07/2003	NH9A	572	7,7	01	Anh	le'
10	000010	0901010915	Tạ Thị Thùy	Dung	21/12/2003	NH9A	573	1,3	01	Dung	chấn
11	000011	0901010203	Trần Ngọc	Dung	19/08/2003	NH9A	574	5,4	01	Dung	le'
12	000012	0901010312	Bùi Trung	Dũng	19/12/2003	NH9A	575	5,1	01	Dũng	chấn
13	000013	0901020104	Nông Thái	Dương	11/11/2003	NH9A	576	7,4	01	Dương	le'
14	000014	0901010127	Cao Lâm	Duy	02/03/2000	NH9A	577	không	01	Duy	chấn
15	000015	0901010493	Hoàng Thị	Duyên	26/11/2003	NH9A	578	2,8	01	Duyên	le'
16	000016	0901010647	Lê Trường	Giang	25/08/2002	NH9A	579	3,6	01	Giang	chấn
17	000017	0901010390	Nguyễn Minh	Hạnh	04/11/2003	NH9A	580	4,4	01	Hạnh	le'
18	000018	0901010937	Khuong Minh	Hiền	29/11/2003	NH9A	581	3,1	01	Hiền	chấn
19	000019	0901010351	Ngô Thị Thu	Hiền	30/01/2003	NH9A	582	3,1	01	Hiền	le'
20	000020	0901010882	Nguyễn Thị Thu	Hiền	20/08/2003	NH9A	583	5,4	01	Hiền	chấn
21	000021	0901010169	Nguyễn Đức	Hiếu	09/07/2003	NH9A	584	7,0	01	Anh	le'
22	000022	0901020748	Vũ Thị	Hòa	05/04/2003	NH9A	585	3,5	01	Hòa	chấn
23	000023	0901010903	Nguyễn Việt	Hoàng	29/10/2003	NH9A	586	3,2	01	Hoàng	le'
24	000024	0901010504	Phạm Lê Huy	Hoàng	18/06/2003	NH9A	587	3,6	01	Hoàng	chấn
25	000025	0901010840	Nguyễn Thái	Học	09/01/2003	NH9A					ĐK
26	000026	0901010725	Phạm Thị Thu	Huế	05/01/2003	NH9A	588	9,0	01	Huế	chấn
27	000027	0901010611	Bùi Quốc	Huy	19/11/2003	NH9A	589	6,5	01	Huy	le'
28	000028	0901010147	Đoàn Thị	Huyền	18/07/1998	NH9A	590	8,2	01	Huyền	chấn
29	000029	0901010261	Nguyễn Năng	Khoa	16/03/2003	NH9A	591	3,7	01	Khoa	le'
30	000030	0901010913	Trương Thi	Lệ	06/11/2003	NH9A					HP,ĐK
31	000031	0901010314	Nguyễn Khánh	Linh	06/12/2003	NH9A	592	2,6	01	Linh	le'
32	000032	0901010878	Đinh Hoàng	Long	09/10/2003	NH9A	593	1,3	01	Long	chấn

Tổng số sinh viên dự thi: ...29...

Tổng số tờ giấy thi: ...29...

Tổng số biên bản: ...0...

Ngày 21 tháng 12 năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

(Signatures of examiners)



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK1 2022-2023

Học phần: Nguyên lý kế toán

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000047	0901030428	Âu Duy	Minh	18/06/2003	NH9A	682	3,9	01	Minh	lẻ
2	000048	0901010134	Tổng Đăng	Minh	23/11/2003	NH9A	683	1,8	01	Minh	chẵn
3	000049	0901010047	Trần Phú	Minh	18/05/2003	NH9A	684	6,7	01	Minh	lẻ
4	000050	0901010833	Đỗ Thị	Ngọc	09/09/2003	NH9A	685	9,4	01	Ngọc	chẵn
5	000051	0901010909	Phạm Văn	Nhật	27/03/2003	NH9A	686	8,4	01	Nhật	lẻ
6	000052	0901010767	Nguyễn Ngọc Uyên	Nhi	28/12/2003	NH9A	687	2,3	01	Nhi	chẵn
7	000053	0901010583	Nguyễn Thế	Phú	04/08/2003	NH9A	688	7,2	01	Phú	lẻ
8	000054	0901010189	Nguyễn Hoàng	Phúc	02/08/2003	NH9A	689	1,9	01	Phúc	chẵn
9	000055	0901010515	Lê Minh	Quân	19/12/2003	NH9A	690	6,3	01	Minh	lẻ
10	000056	0901010640	Nguyễn Như	Quỳnh	20/10/2003	NH9A	691	1,8	01	Quỳnh	chẵn
11	000057	0901010227	Nguyễn Hồng	Sơn	01/09/2003	NH9A	692	6,0	01	Sơn	lẻ
12	000058	0901010398	Vũ Hồng	Sơn	01/07/2003	NH9A	693	9,4	01	Sơn	chẵn
13	000059	0901070972	Nguyễn Hồng	Thái	06/10/2003	NH9A	694	8,5	1	Thái	lẻ
14	000060	0901010149	Vũ Duy	Thái	11/08/2003	NH9A	695	1,8	01	Thái	chẵn
15	000061	0901010165	Ngô Phương	Thảo	30/12/2003	NH9A	696	6,7	1	Thảo	lẻ
16	000062	0901010264	Hoàng Đức	Thiên	08/01/1998	NH9A	697	0,9	1	Thiên	chẵn
17	000063	0901010653	Đỗ Thị Hoài	Thương	07/01/2003	NH9A	698	4,1	1	Thương	lẻ
18	000064	0901010188	Ngô Thùy	Trang	26/12/2003	NH9A	699	8,8	1	Trang	chẵn
19	000065	0901030111	Hoàng Minh	Trí	28/12/2003	NH9A	700	0,8	1	Trí	HP Đón tiếp
20	000066	0901030037	Nguyễn Thanh	Tuyền	12/08/2003	NH9A	701	2,5	1	Tuyền	chẵn
21	000067	0901010717	Quảng Văn	Ước	15/10/2003	NH9A	702	1,3	01	Ước	lẻ
22	000068	0901010981	Mai Thùy	Vân	30/04/2003	NH9A	703	1,8	1	Vân	chẵn
23	000069	0901010818	Lưu Quốc	Việt	03/01/2003	NH9A	704	8,0	01	Việt	lẻ
24	000070	0901010289	Nguyễn Quang	Vũ	17/05/2003	NH9A					
25	000071	0901010536	Bàn Thị	Vững	17/10/2003	NH9A	705	3,0	01	Vững	lẻ
26	000072	0901010802	Lý Thị	Xuân	22/02/2003	NH9A	706	1,5	01	Xuân	chẵn
27	000073	0901010406	Đào Minh	Anh	24/07/2003	TC9A	707	7,7	01	Anh	lẻ
28	000074	0901010533	Nguyễn Lan	Anh	01/06/2003	TC9A	708	8,9	01	Anh	chẵn
29	000075	0901010883	Phạm Thị Kim	Anh	06/01/2003	TC9A	709	3,5	01	Anh	lẻ
30	000076	0901010490	Trần Thị Mai	Anh	06/06/2003	TC9A	710	8,4	1	Anh	chẵn
31	000077	0901010409	Nguyễn Minh	Ánh	09/07/2003	TC9A	711	8,2	01	Anh	lẻ
32	000078	0901010495	Vũ Viết	Bình	10/03/2003	TC9A	712	6,3	01	Bình	chẵn

Tổng số sinh viên dự thi: 31.....

Tổng số tờ giấy thi: 31.....

Tổng số biên bản: 0.....

Ngày 21.. tháng 12 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Phạm Thị Thu Hương
Hoàng - T. Mưu



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK1 2022-2023

Học phần: Nguyên lý kế toán

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000079	0901010130	Nguyễn Quỳnh	Chi	28/08/2003	TC9A	594	1,7	1	Chi	le
2	000080	0901010669	Đỗ Thị Thùy	Dung	26/08/2003	TC9A	595	6,3	1	Dung	Chấn
3	000081	0901030405	Đào Lâm	Dũng	15/02/2003	TC9A	596	5,6	1	Dũng	le
4	000082	0901010365	Đỗ Văn	Duy	11/05/2003	TC9A	597	3,0	1	Duy	chấn
5	000083	0901020399	Đàm Thu	Hà	16/09/2003	TC9A	598	4,9	1	Hà	le
6	000084	0901010219	Vương Thị	Hằng	28/01/2003	TC9A	599	4,1	1	Hằng	chấn
7	000085	0901010211	Bùi Ngọc	Hiếu	17/10/2003	TC9A	600	2,9	1	Hu	le
8	000086	0901010988	Nguyễn Đức	Hiếu	28/05/2002	TC9A					HP,ĐK
9	000087	0901010544	Đặng Quỳnh	Hoa	08/10/2003	TC9A	601	1,3	1	Hoa	le
10	000088	0901070404	Thân Mạnh	Hùng	17/06/2003	TC9A	602	1,5	1	Hùng	chấn
11	000089	0901010777	Hà Vũ	Hưng	13/01/2003	TC9A	603	1,7	1	Hu	le
12	000090	0901010434	Hoàng Thị Quỳnh	Hương	08/02/2003	TC9A	604	2,4	1	Hương	Chấn
13	000091	0901010062	Nguyễn Trần Trung	Kiên	25/03/2003	TC9A	605	6,4	01	Kiên	le
14	000092	0901010420	Lê Tùng	Lâm	14/10/2003	TC9A	606	8,8	01	Lâm	chấn
15	000093	0901060039	Nguyễn Thùy	Linh	01/10/2003	TC9A	607	5,7	01	Linh	le
16	000094	0901010036	Phùng Phương	Mai	28/06/2003	TC9A	608	2,4	01	Phùng Phương	Chấn
17	000095	0901010056	Nguyễn Quang	Minh	16/01/2003	TC9A	609	6,4	01	Minh	le
18	000096	0901010506	Nguyễn Trà	My	25/12/2003	TC9A	610	7,6	01	Trà	Chấn
19	000097	0901010183	Nguyễn Thị Phương	Nga	30/10/2003	TC9A	611	4,0	01	Nga	le
20	000098	0901010763	Đào Bích	Ngọc	28/05/2002	TC9A	612	2,5	01	ngọc	chấn
21	000099	0901010008	Lâm Bích	Ngọc	30/04/2003	TC9A	613	1,7	01	Nga	le
22	000100	0901010507	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	04/09/2003	TC9A	614	4,7	01	nguyệt	chấn
23	000101	0901010789	Nguyễn Thị	Phượng	17/02/2003	TC9A	615	7,0	01	Phượng	le
24	000102	0901010402	Phạm Hồng	Phượng	13/06/2003	TC9A	616	2,4	01	phượng	chấn
25	000103	0901030133	Vũ Ngọc Phi	Sơn	19/08/2003	TC9A	617	2,7	01	Sơn	le
26	000104	0901010803	Phạm Thanh	Tâm	15/07/2003	TC9A	618	5,3	01	Tâm	chấn
27	000105	0901010055	Lê Hoàng	Thái	25/07/2003	TC9A	619	6,4	01	Thái	le
28	000106	0901010153	Đỗ Phương	Thảo	08/04/2003	TC9A	620	2,9	01	thảo	Chấn
29	000107	0901010278	Trần Phương	Thảo	24/09/2003	TC9A	621	1,8	01	Thảo	le
30	000108	0901010745	Tòng Văn	Thuận	15/08/2003	TC9A	622	1,8	01	Thuận	chấn
31	000109	0901010129	Ma Trịnh Hương	Trà	26/10/2003	TC9A	623	2,1	01	Trà	le

Tổng số sinh viên dự thi: 30....

Tổng số tờ giấy thi: 30....

Tổng số biên bản: 0.....

Ngày 21 tháng 12 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Thị Huyền

Nguyễn Văn Quý



506 - 534

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK1 2022-2023

Học phần: Nguyên lý kế toán

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000110	0901010546	Bùi Thị Huyền	Trang	21/05/2003	TC9A	506	6,0	01	Trang	Đề chuẩn
2	000111	0901010592	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	08/02/2003	TC9A	507	6,7	01	Trúc	Đề lẻ
3	000112	0901010121	Đinh Ngọc	Tùng	25/04/2003	TC9A	508	2,0	01	Tùng	Đề chuẩn
4	000113	0901010328	Ngô Sinh	Vượng	28/08/2003	TC9A	509	4,6	01	Vượng	Đề lẻ
5	000114	0901010128	Vũ Mai	Vy	05/11/2003	TC9A	510	1,8	01	Vy	Đề chuẩn
6	000115	0901010498	Trần Thị Hải	Yến	09/10/2003	TC9A	511	6,6	01	Yến	Đề lẻ
7	000116	0901010425	Phạm Nguyễn Mai	Anh	03/10/2003	TC9B	512	3,6	01	Anh	Đề chuẩn
8	000117	0901010302	Vũ Ngọc	Anh	04/01/2003	TC9B	\	\	\	\	ĐK
9	000118	0901010584	Nguyễn Thị Linh	Bình	26/10/2003	TC9B	513	7,1	01	Bình	Đề chuẩn
10	000119	0901020744	Nguyễn Thị Kiều	Diễm	02/03/2003	TC9B	514	8,5	01	Diễm	Đề lẻ
11	000120	0901010875	Đàm Phương	Dung	14/08/2003	TC9B	515	8,9	01	Phương	Đề chuẩn
12	000121	0901010413	Nguyễn Thùy	Dung	15/12/2003	TC9B	516	8,2	01	Dung	Đề lẻ
13	000122	0901010158	Nguyễn Hùng	Dũng	09/11/2003	TC9B	517	7,5	01	Dũng	Đề chuẩn
14	000123	0901010678	Trần Quý	Dương	05/09/2003	TC9B	518	7,6	01	Dương	Đề lẻ
15	000124	0901010868	Đàm Hương	Giang	29/03/2003	TC9B	519	9,4	01	Giang	Đề chuẩn
16	000125	0901010246	Hoàng Thái	Hà	27/10/2003	TC9B	520	7,0	01	Hà	Đề lẻ
17	000126	0901010686	Đào Thị Thanh	Hiền	07/10/2003	TC9B	521	9,5	01	Hiền	Đề chuẩn
18	000127	0901010237	Nguyễn Huy	Hiệu	15/09/2003	TC9B	522	8,2	01	Hiệu	Đề lẻ
19	000128	0901010673	Đỗ Thị Thu	Hòa	24/05/2003	TC9B	523	4,2	01	Hòa	Đề chuẩn
20	000129	0901010284	Dương Thu	Hương	12/08/2003	TC9B	\	\	\	\	ĐK
21	000130	0901010698	Nguyễn Thu	Hương	28/08/2003	TC9B	524	7,6	01	Hương	Đề chuẩn
22	000131	0901010950	Lê Thuý	Hường	11/08/2003	TC9B	525	7,6	01	Hường	Đề lẻ
23	000132	0901010770	Nguyễn Thị Thu	Huyền	28/09/2003	TC9B	526	9,5	02	Huyền	Đề chuẩn
24	000133	0901040571	Vũ Mai	Lan	03/11/2003	TC9B	527	8,3	01	Lan	Đề lẻ
25	000134	0901010465	Quách Gia	Lân	23/11/2003	TC9B	528	8,2	01	Lân	Đề chuẩn
26	000135	0901011000	Nguyễn Thùy	Linh	30/03/2003	TC9B	529	4,0	01	Linh	Đề lẻ
27	000136	0901020148	Nguyễn Đức	Lương	04/08/2003	TC9B	529	5,6	01	Lương	Đề chuẩn
28	000137	0901010603	Đỗ Thị Phương	Nga	11/11/2003	TC9B	530	8,6	01	Phương	Đề lẻ
29	000138	0901010267	Trần Bích	Ngọc	06/09/2003	TC9B	531	5,7	01	Ngọc	Đề chuẩn
30	000139	0901010784	Tạ Thị Yến	Nhi	04/12/2003	TC9B	532	8,6	01	Nhi	Đề lẻ
31	000140	0901010914	Nguyễn Hồng	Nhung	17/04/2003	TC9B	533	3,8	01	Nhung	Đề chuẩn

Tổng số sinh viên dự thi: 29....

Ngày 24... tháng 11... Năm 2022

Tổng số tờ giấy thi: 30....

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Tổng số biên bản: 0.....

Trưởng Thư Phòng Loan

Nguyễn Văn...



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK1 2022-2023

Học phần: Nguyên lý kế toán

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000141	0901010452	Vũ Thị Diễm	Quỳnh	25/10/2003	TC9B					HP,ĐK
2	000142	0901010700	Lương Thị Thanh	Tâm	08/08/2003	TC9B	654	6.7	1	Tâm	Chấn
3	000143	0901010156	Phạm Hoàng	Thái	10/12/2003	TC9B	655	4.1	1	Thái	le
4	000144	0901030724	Đỗ Xuân	Thành	01/07/2003	TC9B	656	2.7	1	Thành	chấn
5	000145	0901010269	Nguyễn Phương	Thảo	01/05/2003	TC9B	657	4.2	1	Thảo	le
6	000146	0901020101	Nguyễn Phương	Thảo	13/09/2003	TC9B	658	2.5	1	Thảo	chấn
7	000147	0901070408	Trịnh Anh	Thư	22/08/2003	TC9B	659	3.6	1	Thư	le
8	000148	0901010605	Lê Hà	Thương	21/05/2003	TC9B	660	2.7	1	Thương	chấn
9	000149	0901010706	Quách Thị	Tuyết	02/10/2003	TC9B	661	1.5	1	Tuyết	le
10	000150	0901040699	Đỗ Cẩm	Vân	09/11/2003	TC9B	662	4.9	1	Vân	chấn
11	000151	0901020025	Bùi Minh	Anh	27/04/2003	QT9A	663	1.3	1	Anh	le
12	000152	0901030941	Nguyễn Ngọc	Anh	24/09/2003	QT9A	664	6.7	1	Anh	chấn
13	000153	0901030491	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	03/07/2003	QT9A	665	8.2	1	Anh	le
14	000154	0901030064	Nguyễn Thanh	Bình	10/04/2003	QT9A	666	2.9	1	Bình	chấn
15	000155	0901030224	Nguyễn Thành	Đạt	26/03/2003	QT9A	667	3.4	1	Đạt	le
16	000156	0901020923	Đỗ Thị Thùy	Dương	31/10/2003	QT9A					HP,ĐK
17	000157	0901030185	Nguyễn Thị Thùy	Dương	12/08/2003	QT9A	668	8.1	1	Dương	le
18	000158	0901030254	Đỗ Thị Mỹ	Duyên	27/11/2002	QT9A	669	4.6	1	Duyên	chấn
19	000159	0901030058	Phạm Thị Hồng	Hạnh	02/07/2003	QT9A	670	7.1	1	Hạnh	le
20	000160	0901030362	Nguyễn Thị	Hiền	26/06/2003	QT9A	671	2.5	1	Hiền	chấn
21	000161	0901030894	Vũ Đức	Hiếu	14/01/2003	QT9A	672	4.5	1	Hiếu	le
22	000162	0901030715	Đào Quốc	Hiệu	01/10/2003	QT9A	673	1.0	1	Hiệu	chấn
23	000163	0901030756	Lương Tiến	Hoàng	14/01/2003	QT9A					HP,ĐK
24	000164	0901030477	Nguyễn Duy	Hưng	24/12/2003	QT9A	674	0.8	1	Hưng	chấn
25	000165	0901030631	Huỳnh Khắc Anh	Khiêm	27/04/2003	QT9A	675	6.6	1	Khiêm	le
26	000166	0901030695	Phạm Trung	Kiên	08/08/2003	QT9A	676	2.2	1	Kiên	chấn
27	000167	0901030154	Phạm Quốc	Lập	15/01/2003	QT9A	677	5.5	1	Lập	le
28	000168	0901030435	Đỗ Thị Khánh	Linh	15/11/2003	QT9A	678	1.0	1	Linh	chấn
29	000169	0901030753	Nguyễn Mai Thùy	Linh	17/11/2003	QT9A	679	5.0	1	Thùy	le
30	000170	0901030022	Phạm Thị Khánh	Ly	21/01/2003	QT9A	680	1.0	1	Ly	chấn
31	000171	0901010113	Lưu Bá	Nghĩa	29/10/2003	QT9A	681	7.1	1	Nghĩa	le

Tổng số sinh viên dự thi: 28....

Tổng số tờ giấy thi: 28....

Tổng số biên bản: 0.....

Ngày 21 tháng 12 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Nguyễn T. Hải Huỳnh Thị Hải Yến



477-505

nl

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK1 2022-2023

Học phần: Nguyên lý kế toán

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000172	0901030524	Lê Thị Hồng	Ngọc	02/10/2003	QT9A	477	4,7	1	Ngọc	chẵn
2	000173	0901030752	Phạm Thị Ánh	Nguyệt	22/01/2003	QT9A	478	2,2	1	Nguyệt	lẻ
3	000174	0901030656	Bùi Thị Hồng	Nhung	24/08/2003	QT9A	479	2,7	1	Nhung	chẵn
4	000175	0901030924	Dương Thị	Nhung	03/04/2003	QT9A	480	6,4	1	Nhung	lẻ
5	000176	0901020418	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	27/08/2003	QT9A	481	Một	1	Thư	chẵn
6	000177	0901030235	Chu Thị Châm	Oanh	26/10/2003	QT9A	482	1,3	4	Oanh	lẻ
7	000178	0901020652	Phạm Thị	Phương	05/07/2003	QT9A	483	3,7	1	Phương	chẵn
8	000179	0901030662	Đặng Anh	Quân	01/10/2003	QT9A	484	1,3	1	Quân	lẻ
9	000180	0901030266	Vũ Tuyết	Quỳnh	07/01/2003	QT9A	485	1,5	1	Quỳnh	chẵn
10	000181	0901030466	Trần Ngọc	Thắng	02/10/2003	QT9A	486	7,0	1	Thắng	lẻ
11	000182	0901030518	Đỗ Văn	Thanh	29/03/2003	QT9A	487	6,8	1	Thanh	chẵn
12	000183	0901030285	Trương Tuấn	Thành	18/12/2003	QT9A					ĐK
13	000184	0901030829	Dương Minh	Tiến	02/01/2003	QT9A	488	2,7	1	Tiến	chẵn
14	000185	0901030535	Hoàng Hương	Trang	10/11/2003	QT9A	489	4,0	1	Trang	lẻ
15	000186	0901031001	Nguyễn Kiều	Trang	02/11/2003	QT9A	490	1,7	1	Trang	chẵn
16	000187	0901030376	Phạm Thị Đoan	Trang	30/07/2003	QT9A	491	4,3	1	Trang	lẻ
17	000188	0901030279	Nguyễn Hà	Vy	07/12/2003	QT9A	492	0,8	1	Vy	chẵn
18	000189	0901030089	Đặng Thị Quỳnh	Anh	06/10/2003	QT9B	493	2,9	1	Anh	lẻ
19	000190	0901010849	Phùng Thị Phương	Anh	03/09/2003	QT9B	494	1,5	1	Anh	chẵn
20	000191	0901030195	Võ Ngọc	Anh	22/10/2003	QT9B	495	1,5	1	Anh	lẻ
21	000192	0901010115	Đào Chí	Cường	21/05/2003	QT9B	496	5,6	1	Cường	chẵn
22	000193	0901030088	Đoàn Quang	Đại	07/12/2003	QT9B	497	2,0	1	Đại	lẻ
23	000194	0901030325	Nguyễn Hồng	Diệp	23/11/2003	QT9B	498	2,1	1	Diệp	chẵn
24	000195	0901030982	Luyện Minh	Đức	23/12/2003	QT9B	499	1,5	1	Đức	lẻ
25	000196	0901030270	Đoàn Hữu	Dương	24/04/2003	QT9B	500	0,5	1	Hữu	chẵn
26	000197	0901010354	Nguyễn Thu	Hằng	29/09/2003	QT9B	501	1,3	1	Hằng	lẻ
27	000198	0901030430	Hoàng Đình	Hào	07/05/2003	QT9B	502	2,3	1	Hào	chẵn
28	000199	0901030417	Nguyễn Thị	Hiền	28/03/2003	QT9B	503	3,8	1	Hiền	lẻ
29	000200	0901030712	Nguyễn Thúy	Hiền	16/03/2003	QT9B					HP, ĐK
30	000201	0901030132	Nguyễn Thị	Hoa	09/02/2003	QT9B	504	8,2	1	Hoa	lẻ
31	000202	0901030336	Nguyễn Huy	Hoàng	20/10/2003	QT9B	505	2,2	1	Hoàng	chẵn

Tổng số sinh viên dự thi: 29....

Tổng số tờ giấy thi: 29.....

Tổng số biên bản: 0.....

Ngày 21... tháng 12 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Thị Hằng

Đặng Thị Phương

Nguyễn Thị Hằng

Đặng Thị Phương



535 - 564

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK1 2022-2023

Học phần: Nguyên lý kế toán

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000203	0901030895	Đỗ Thị	Huệ	23/01/2003	QT9B	535	7,6	1	Huệ	lẻ
2	000204	0901030530	Phan Trọng	Hùng	01/03/2003	QT9B	536	6,4	1	Hùng	Chẵn
3	000205	0901030586	Nguyễn Duy	Hưng	27/01/2003	QT9B	537	7,2	1	Hưng	lẻ
4	000206	0901030093	Nguyễn Thị	Hường	30/01/2003	QT9B	538	4,0		Hường	chẵn
5	000207	0901030061	Vũ Quang	Huy	21/12/2003	QT9B	539	7,2	1	Huy	lẻ
6	000208	0901030665	Lê Thị	Huyền	10/01/2003	QT9B	540	9,0	1	Huyền	chẵn
7	000209	0901030370	Đặng Tuấn	Kiệt	09/12/2003	QT9B	541	5,9	1	Kiệt	lẻ
8	000210	0901030151	Phạm Hoàng	Lan	19/05/2003	QT9B	542	2,4	1	Lan	chẵn
9	000211	0901030131	Đỗ Thị	Linh	15/09/2003	QT9B	543	5,9	1	Linh	lẻ
10	000212	0901030069	Đỗ Thị Khánh	Linh	17/12/2003	QT9B	544	1,7	1	Linh	chẵn
11	000213	0901030067	Đỗ Thị Thùy	Linh	14/12/2003	QT9B	545	7,9	1	Linh	lẻ
12	000214	0901030247	Nguyễn Văn	Linh	17/08/2003	QT9B	546	2,7	1	Linh	chẵn
13	000215	0901030471	Đỗ Thị	Lương	15/11/2003	QT9B	547	7,8	1	Lương	lẻ
14	000216	0901030595	Trần Cao	Mạnh	14/09/2003	QT9B	548	3,8	1	Mạnh	Chẵn
15	000217	0901030681	Trịnh Kim	Ngân	12/09/2003	QT9B	549	9,0	1	Ngân	lẻ
16	000218	0901030294	Hà Bích	Ngọc	20/08/2003	QT9B	550	1,8	1	Ngọc	chẵn
17	000219	0901030579	Vũ Hoàng	Ngọc	27/12/2003	QT9B	551	8,1	1	Ngọc	lẻ
18	000220	0901030916	Nguyễn Thị Phương	Nhung	08/12/2003	QT9B	552	2,2	1	Nhung	chẵn
19	000221	0901030369	Đặng Nam	Phương	29/09/2003	QT9B	553	8,7	1	Phươ	lẻ
20	000222	0901030722	Trịnh Thị Thu	Phương	10/02/2003	QT9B	554	6,1	1	Phường	chẵn
21	000223	0901030205	Đào Hồng	Quân	30/10/2003	QT9B	555	8,4	1	Quân	lẻ
22	000224	0901030028	Trần Minh	Quân	20/08/2003	QT9B	556	Mô	1	Quân	chẵn
23	000225	0901030323	Đỗ Đức	Tài	21/04/2003	QT9B	557	2,8	1	Tài	lẻ
24	000226	0901030961	Đỗ Ngọc	Thạch	22/04/1999	QT9B	558	4,8	1	Thạch	chẵn
25	000227	0901030385	Nguyễn Đức	Thành	12/01/2003	QT9B	559	8,2	1	Thành	lẻ
26	000228	0901030212	Trương Viết	Thành	13/09/2002	QT9B	560	1,5	1	Thành	chẵn
27	000229	0901030275	Bùi Thị Hương	Thom	10/02/2003	QT9B	561	9,1	1	thom	lẻ
28	000230	0901030059	Trần Huy	Thuận	27/11/2003	QT9B	562	1,9	1	Thuận	chẵn
29	000231	0901020159	Dương Thị Thanh	Thủy	17/04/2003	QT9B					HP,ĐK
30	000232	0901030737	Ngô Phương Kiều	Trang	23/06/2003	QT9B	563	4,1	1	Trang	Chẵn
31	000233	0901030085	Ngô Thu	Trang	09/12/2003	QT9B	564	7,1	1	Trang	lẻ

Tổng số sinh viên dự thi: 30.....

Tổng số tờ giấy thi: 30.....

Tổng số biên bản: 0.....

Ngày 21. tháng 12 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Thị Thủy Hằng

Đặng Thị Hiền



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK1 2022-2023

Học phần: Nguyên lý kế toán

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000234	0901030479	Nguyễn Thị Thùy	Trang	22/05/2003	QT9B	741	4,7	01	Trang	chấm
2	000235	0901030666	Nguyễn Thu	Trang	26/10/2003	QT9B	742	6,5	01	Thu	le
3	000236	0901070754	Phạm Thị Huyền	Trang	15/04/2003	QT9B	743	6,5	01	Huyền	chấm
4	000237	0901030197	Lưu Quang	Trung	14/09/2001	QT9B					HP,ĐK
5	000238	0901030103	Quách Huy	Trường	01/01/2002	QT9B	744	3,4	01	Huy	chấm
6	000239	0901010301	Ngô Anh	Tuấn	05/04/2003	QT9B	745	1,8	01	Tuấn	le
7	000240	0901030102	Trần Quốc	Việt	11/12/2003	QT9B	746	2,0	01	Việt	chấm
8	000241	0901030046	Nguyễn Xuân Hải	Vương	22/08/2003	QT9B	747	0,5	01	Hải	le
9	000242	0901030711	Trịnh Thị Như	Ý	03/08/2003	QT9B	748	2,7	01	Ý	chấm
10	000243	0901020947	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	07/02/2003	QT9C	749	8,3	01	Anh	le
11	000244	0901030416	Nguyễn Nguyệt	Ánh	03/08/2000	QT9C	750	9,3	01	Ánh	chấm
12	000245	0901030590	Nguyễn Bá	Đạt	09/07/2003	QT9C	751	3,4	01	Đạt	le
13	000246	0901030881	Nguyễn Bình	Định	17/10/2003	QT9C					ĐK
14	000247	0901030013	Lê Ánh	Dương	04/06/2003	QT9C	752	6,8	01	Ánh	le
15	000248	0901030200	Mai Thu	Giang	24/12/2003	QT9C	753	4,5	01	Giang	chấm
16	000249	0901030823	Bùi Thị	Hào	15/08/2003	QT9C	754	8,2	01	Hào	le
17	000250	0901030635	Nguyễn Thu	Hiền	22/03/2003	QT9C	755	2,8	01	Hiền	chấm
18	000251	0901030253	Phạm Khánh	Hòa	02/09/2003	QT9C	756	5,9	01	Hòa	le
19	000252	0901030866	Bùi Minh	Hoàng	26/11/2003	QT9C	757	7,3	01	Hoàng	chấm
20	000253	0901030843	Đỗ Quốc	Hội	18/04/2003	QT9C	758	6,3	01	Hội	le
21	000254	0901030944	Nhữ Mạnh	Hùng	01/08/2003	QT9C	759	8,2	01	Mạnh	chấm
22	000255	0901030522	Trần Minh	Hùng	26/11/2003	QT9C	760	6,4	01	Minh	le
23	000256	0901030181	Lê Tuấn	Hưng	17/05/2003	QT9C	761	6,7	01	Hưng	chấm
24	000257	0901030280	Nguyễn Thị Thu	Hương	26/05/2003	QT9C	762	3,1	01	Hương	le
25	000258	0901030082	Nguyễn Văn	Khải	20/10/2003	QT9C	763	3,9	01	Khải	chấm
26	000259	0901030018	Phạm Duy	Kiên	06/02/2003	QT9C	764	6,1	01	Kiên	le
27	000260	0901030545	Lê Quang	Lâm	18/08/2003	QT9C	765	2,0	01	Quang	chấm
28	000261	0901030138	Đỗ Thị Hải	Linh	21/02/1998	QT9C	766	9,5	01	Hải	le
29	000262	0901070809	Lê Thành	Long	04/08/2003	QT9C	767	3,6	01	Thành	chấm
30	000263	0901010032	Nguyễn Hiền	Lương	13/01/2003	QT9C	768	6,4	01	Hiền	le
31	000264	0901030797	Vũ Bình	Minh	19/11/2003	QT9C	769	6,0	01	Bình	chấm

Tổng số sinh viên dự thi: ...29.

Tổng số tờ giấy thi: ...29.

Tổng số biên bản: ...0.

Ngày 21 tháng 12 năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Đỗ Thị Quỳnh Anh

Vũ Ngọc Loan



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK1 2022-2023

Học phần: Nguyên lý kế toán

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000265	0901030464	Hoàng Hồng	Ngọc	07/08/2003	QT9C	770	8,6	01	HA	Đề lẻ
2	000266	0901030629	Trần Thị Minh	Ngọc	10/08/2003	QT9C	771	7,6	1	Ngọc	Đề chẵn
3	000267	0901030400	Vũ Văn	Ngọc	03/11/2003	QT9C					ĐK
4	000268	0901030377	Đỗ Thị	Nhàn	08/12/2003	QT9C	772	4,0	1	Nhàn	Đề chẵn
5	000269	0901030973	Chu Diệu	Như	11/09/2003	QT9C	773	5,6	01	Như	Đề lẻ
6	000270	0901030887	Ngô Thị Kim	Nhung	01/09/2003	QT9C	774	5,4	1	Nhung	Đề chẵn
7	000271	0901030600	Nguyễn Thị Thu	Phương	03/06/2003	QT9C	775	6,4	1	Phường	Đề lẻ
8	000272	0901030217	Nguyễn Quế	Sinh	20/12/2003	QT9C	776	6,4	1	Sinh	Đề chẵn
9	000273	0901030092	Đào Văn	Tâm	21/06/2002	QT9C	777	4,3	01	Tâm	Đề lẻ
10	000274	0901030286	Nguyễn Huy	Thành	04/12/2003	QT9C	778	7,6	1	Thành	Chẵn
11	000275	0901030795	Nguyễn Phương	Thảo	18/06/2003	QT9C	779	4,1	1	Thảo	Lẻ
12	000276	0901030002	Trần Nguyễn Phương	Thảo	15/08/2003	QT9C	780	0,8	1	Thảo	chẵn
13	000277	0901030295	Phạm Bùi Minh	Thuận	25/02/2003	QT9C	781	5,0	01	Thuận	Lẻ
14	000278	0901030547	Đinh Thu	Trà	17/12/2003	QT9C	782	8,2	1	Trà	chẵn
15	000279	0901030208	Nguyễn Văn	Trang	24/04/2003	QT9C	783	5,0	1	Trang	Lẻ
16	000280	0901030508	Trần Thanh Thanh	Trúc	22/12/2003	QT9C	784	6,4	1	Trúc	chẵn
17	000281	0901030781	Mai	Tùng	29/08/2003	QT9C	785	3,9	1	Mai	Lẻ
18	000282	0901030009	Lại Đăng	Uyển	09/10/2003	QT9C	786	4,4	01	Uyển	Chẵn
19	000283	0901030322	Đào Phương	Anh	17/02/2003	QM9A	787	2,4	1	Anh	Lẻ
20	000284	0901030245	Hoàng Phương	Anh	19/11/2002	QM9A	788	0,8	1	Anh	Chẵn
21	000285	0901030048	Lê Hoàng	Anh	15/06/2003	QM9A	789	6,1	01	Anh	Đề lẻ
22	000286	0901030871	Nguyễn Thị Lan	Anh	09/09/2003	QM9A	790	4,1	1	Anh	Chẵn
23	000287	0901030282	Nguyễn Thị Vân	Anh	13/10/2003	QM9A	791	3,1	1	Anh	Lẻ
24	000288	0901030896	Trần Ngọc	Anh	18/11/2003	QM9A	792	3,0	01	Anh	chẵn
25	000289	0901030098	Dương Việt	Bách	01/09/2003	QM9A	793	6,0	01	Bách	Lẻ
26	000290	0901030436	Phạm Minh	Châu	28/11/2003	QM9A	794	1,3	1	Châu	Chẵn
27	000291	0901030470	Nguyễn Thúy	Dung	03/12/2003	QM9A	795	6,4	1	Dung	Lẻ
28	000292	0901030704	Nguyễn Thị	Dương	01/06/2003	QM9A	796	0,5	1	Dương	chẵn
29	000293	0901030475	Nguyễn Ngọc	Duyên	19/11/2003	QM9A	797	3,8	1	Duyên	Lẻ
30	000294	0901030410	Lê Mạnh	Hào	15/09/2003	QM9A	798	4,0	1	Hào	Chẵn
31	000295	0901030682	Đặng Văn	Hiệp	21/06/2003	QM9A	799	5,3	1	Hiệp	Lẻ

Tổng số sinh viên dự thi:.....30

Tổng số tờ giấy thi:.....30

Tổng số biên bản:.....2

Ngày 24 tháng 12 năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Phan Thúy Nga

Nguyễn Thị Nguyệt



624 - 653

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK1 2022-2023

Học phần: Nguyên lý kế toán

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000296	0901030683	Đoàn Thị Kim	Huệ	17/05/2003	QM9A	624	8,2	1	Huệ	chẵn
2	000297	0901030765	Đinh Trọng	Khang	08/10/2003	QM9A	625	4,8	01	Khang	lẻ
3	000298	0901030220	Lê Thúy	Kiều	22/05/2003	QM9A	626	8,0	1	Kiều	chẵn
4	000299	0901030537	Nguyễn Hoài	Lam	09/06/2003	QM9A	627	3,4	1	Lam	lẻ
5	000300	0901040602	Trịnh Nguyễn Thanh	Lâm	28/07/2003	QM9A	628	0,8	1	Lâm	chẵn
6	000301	0901030090	Nguyễn Thị Diệp	Linh	10/05/2002	QM9A	629	1,8	1	Linh	lẻ
7	000302	0901030702	Tạ Hương	Ly	07/07/2003	QM9A	630	6,1	1	Ly	chẵn
8	000303	0901030447	Nguyễn Đức	Mạnh	04/01/2003	QM9A	631	2,5	1	Mạnh	lẻ
9	000304	0901030054	Đậu Trà	Mĩ	17/11/2003	QM9A	632	8,1	1	Mĩ	chẵn
10	000305	0901030107	Nguyễn Thị Bích	Nga	14/09/2003	QM9A	633	5,5	1	Nga	lẻ
11	000306	0901030538	Bùi Thu	Ngọc	10/09/2003	QM9A	634	8,5	1	Ngọc	chẵn
12	000307	0901030888	Nguyễn Sinh	Ngọc	05/11/2003	QM9A	635	6,1	1	Ngọc	lẻ
13	000308	0901030259	Ngô Thị Hằng	Nhung	02/05/2003	QM9A	636	3,3	1	Nhung	chẵn
14	000309	0901030776	Phạm Phú	Quân	23/10/2003	QM9A	637	1,8	1	Quân	lẻ
15	000310	0901070041	Nguyễn Thị Minh	Tâm	12/11/2003	QM9A	638	3,2	1	Tâm	chẵn
16	000311	0901030141	Hà Hoài	Thanh	29/11/2002	QM9A	639	2,4	1	Thanh	lẻ
17	000312	0901030719	Đinh Thị Ngọc	Thảo	30/09/2003	QM9A	640	4,0	1	Thảo	chẵn
18	000313	0901030901	Nguyễn Duy	Thông	10/02/2000	QM9A	641	5,7	1	Thông	lẻ
19	000314	0901030180	Nguyễn Thị Hồng	Thu	11/07/2003	QM9A	642	3,2	1	Thu	chẵn
20	000315	0901030854	Hoàng Thị	Trà	17/10/2003	QM9A	643	4,0	1	Trà	lẻ
21	000316	0901080857	Lương Thị Thu	Trang	17/05/2003	QM9A	644	2,7	1	Trang	chẵn
22	000317	0901030960	Lê Thị Thanh	Trúc	14/12/2003	QM9A	645	2,1	1	Trúc	lẻ
23	000318	0901030926	Chu Thành	Vinh	02/10/2002	QM9A	646	2,8	1	Vinh	chẵn
24	000319	0901030096	Bùi Thị Thảo	Vy	17/06/2003	QM9A	647	1,3	1	Vy	lẻ
25	000320	0901030194	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	12/07/2003	QM9B	648	5,6	1	Anh	chẵn
26	000321	0901030917	Phạm Nhật	Anh	08/09/2003	QM9B	649	4,0	1	Anh	lẻ
27	000322	0901030512	Trịnh Tú	Anh	30/10/2003	QM9B	650	6,5	1	Anh	chẵn
28	000323	0901030589	Bùi Thị Ngọc	Bích	26/09/2003	QM9B	651	4,8	1	Bích	lẻ
29	000324	0901030523	Đặng Xuân	Diệu	22/12/2003	QM9B	652	2,2	1	Diệu	chẵn
30	000325	0901030125	Nguyễn Việt	Đức	09/10/2001	QM9B					HP,ĐK
31	000326	0901030710	Lê Thuý	Dương	24/07/2003	QM9B	653	1,2	1	Dương	chẵn

Tổng số sinh viên dự thi: 30....

Tổng số tờ giấy thi: 30....

Tổng số biên bản: 10....

Ngày 21 tháng 12 năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Trần Thị Kim Đan
Trần Thị Trang



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK1 2022-2023

Học phần: Nguyên lý kế toán

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000327	0901030483	Nguyễn Đức	Duy	27/10/2003	QM9B	713	5,9	01	Duy	lẻ
2	000328	0901030786	Hoàng Trung	Hải	27/06/2003	QM9B	714	3,5	01	Hải	chẵn
3	000329	0901030675	Phạm Thu	Hiền	04/11/2003	QM9B	715	9,5	01	Hiền	lẻ
4	000330	0901030768	Nguyễn Đức	Hiệu	24/05/2003	QM9B	716	4,7	01	Hiệu	chẵn
5	000331	0901030759	Nguyễn Thị	Huế	30/09/2003	QM9B	717	9,8	01	Huế	lẻ
6	000332	0901030660	Nguyễn Lan	Hương	08/01/2003	QM9B	718	4,3	01	Hương	chẵn
7	000333	0901030892	Trần Thị	Hường	10/04/2003	QM9B	719	8,5	01	Hương	lẻ
8	000334	0901030072	Nguyễn Tiến	Khôi	16/12/2003	QM9B	720	1,9	01	Khôi	chẵn
9	000335	0901030265	Trịnh Xuân	Kỳ	05/11/2002	QM9B	721	8,1	01	Kỳ	lẻ
10	000336	0901030651	Nguyễn Hoàng	Lan	23/12/2003	QM9B	722	3,0	01	Lan	chẵn
11	000337	0901030713	Lê Thị	Linh	19/04/2003	QM9B	723	5,7	01	Linh	lẻ
12	000338	0901030511	Đỗ Thị Quỳnh	Loan	14/10/2003	QM9B	724	4,2	01	Loan	chẵn
13	000339	0901030734	Nguyễn Thị Hương	Ly	03/11/2003	QM9B	725	8,4	01	Ly	lẻ
14	000340	0901030458	Đoàn Thị Xuân	Mai	09/11/2003	QM9B	726	4,0	01	Mai	chẵn
15	000341	0901030108	Phan Văn	Mạnh	27/05/2003	QM9B	727	7,8	01	Mạnh	lẻ
16	000342	0901030677	Nguyễn Thu	Nga	09/06/2003	QM9B	728	1,3	01	Nga	chẵn
17	000343	0901030957	Ứng Thị Quỳnh	Nga	28/09/2003	QM9B	729	9,5	01	Ngà	lẻ
18	000344	0901030144	Vũ Thị Minh	Nguyệt	19/11/2003	QM9B	730	7,4	01	Nguyệt	chẵn
19	000345	0901030214	Nguyễn Thị	Oanh	10/01/2002	QM9B	731	8,0	01	Oanh	lẻ
20	000346	0901030296	Vũ Minh	Phúc	23/02/2003	QM9B	732	3,5	01	Phúc	chẵn
21	000347	0901030433	Lương Thị Diễm	Quỳnh	08/11/2003	QM9B	733	9,4	01	Quỳnh	lẻ
22	000348	0901030387	Nguyễn Văn	Sáng	14/11/2002	QM9B	734	3,9	01	Sang	chẵn
23	000349	0901030697	Nguyễn Tiến	Thái	01/04/2002	QM9B	735	8,5	01	Thái	lẻ
24	000350	0901070614	Vương Thị	Thanh	21/12/2003	QM9B					HP,ĐK
25	000351	0901030350	Tổng Đức	Thành	18/10/2003	QM9B	736	9,4	01	Thành	lẻ
26	000352	0901020912	Nguyễn Phương	Thảo	12/01/2003	QM9B	737	7,8	01	Thảo	chẵn
27	000353	0901030920	Hoàng Thanh	Trà	14/12/2003	QM9B					HP,ĐK
28	000354	0901030708	Đặng Thị	Trang	02/08/2003	QM9B	738	3,9	01	Trang	chẵn
29	000355	0901010796	Đỗ Thị Huyền	Trang	13/10/2003	QM9B	739	8,7	01	Trang	lẻ
30	000356	0901030679	Dương Thị	Trang	08/08/2003	QM9B	740	5,9	01	Trang	chẵn
31	000357	0901030730	Phan Thị Thu	Trang	14/09/2003	QM9B					HP

Tổng số sinh viên dự thi: 28

Tổng số tờ giấy thi: 28

Tổng số biên bản: 0

Ngày 21 tháng 12 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Thị Thùy Dung

Nguyễn Thị Thùy Dung



181-211

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK1 2022-2023

Học phần: Nguyên lý kế toán

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000358	0901060872	Nguyễn Công Kỳ	Anh	20/09/2003	KA9A	181	2.8	01	Anh	
2	000359	0901020572	Phạm Thị Vân	Anh	22/08/2003	KA9A	182	5.7	02	Anh	
3	000360	0901020238	Trần Thị	Báu	03/12/2003	KA9A	183	6.3	01	Báu	
4	000361	0901060179	Hà Minh	Chi	24/06/2003	KA9A	184	5.0	01	Chi	
5	000362	0901060664	Phạm Thị	Chinh	05/05/2003	KA9A	185	8.1	01	Chinh	
6	000363	0901020441	Lê Thị	Chúc	24/09/2003	KA9A	186	5.1	01	Chúc	
7	000364	0901020060	Nguyễn Huyền	Diệu	23/11/2003	KA9A	187	3.7	01	Diệu	
8	000365	0901010481	Trần Trung	Đức	16/01/2003	KA9A	188	2.9	01	Đức	
9	000366	0901060557	Hoàng Hương	Giang	22/03/2003	KA9A	189	2.8	01	Giang	
10	000367	0901060520	Bùi Bảo	Hân	12/10/2003	KA9A	190	5.0	01	Hân	
11	000368	0901020020	Nguyễn Huy	Hoàng	01/01/2003	KA9A	191	1.4	01	Hoàng	
12	000369	0901060667	Nguyễn Văn	Hung	14/10/2003	KA9A	192	1.8	01	Hung	
13	000370	0901060943	Nguyễn Thu	Hương	22/01/2003	KA9A	193	4.9	01	Hương	
14	000371	0901060221	Dương Thị Ngọc	Huyền	31/08/2003	KA9A	194	3.6	01	Huyền	
15	000372	0901060348	Nguyễn Ngọc	Lam	22/09/2003	KA9A	195	3.0	01	Lam	
16	000373	0901030100	Giang Thị Hồng	Mai	02/06/2003	KA9A	196	3.7	01	Mai	
17	000374	0901060837	Nguyễn Thị	Mai	23/02/2003	KA9A	197	3.0	01	Mai	
18	000375	0901020925	Nguyễn Trà	My	12/07/2003	KA9A	198	4.9	01	My	
19	000376	0901060874	Trần Quỳnh	Nga	09/03/2003	KA9A	199	4.6	01	Nga	
20	000377	0901060601	Phí Việt	Nhật	14/10/2003	KA9A	200	4.0	01	Nhật	
21	000378	0901060451	Phạm Thị Út	Nhi	02/08/2003	KA9A	201	4.7	01	Nhi	
22	000379	0901060723	Nguyễn Trí	Phong	05/12/2003	KA9A	202	6.6	01	Phong	
23	000380	0901060525	Đỗ Phương	Thảo	13/11/2003	KA9A	203	7.7	01	Thảo	
24	000381	0901060401	Đoàn Thị Thu	Thảo	10/03/2003	KA9A	204	5.4	01	Thảo	
25	000382	0901030063	Bùi Thị	Trang	26/02/2003	KA9A	205	7.2	01	Trang	
26	000383	0901060218	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	26/06/2003	KA9A	206	5.7	01	Trang	
27	000384	0901060575	Phạm Thu	Trang	18/09/2003	KA9A	207	7.1	01	Trang	
28	000385	0901060550	Ngô Hồng	Triệu	06/06/2003	KA9A					ĐK
29	000386	0901060742	Phùng Quang	Trường	02/11/2003	KA9A	208	5.7	01	Trường	
30	000387	0901020273	Nguyễn Tô	Uyên	24/09/2003	KA9A	209	4.7	01	Uyên	
31	000388	0901060965	Đào Đức	Việt	21/12/2002	KA9A	210	4.4	01	Việt	
32	000389	0901030118	Nguyễn Hồng	Yến	21/11/2003	KA9A	211	6.4	01	Yến	

Tổng số sinh viên dự thi:....34

Tổng số tờ giấy thi:....3.2.

Tổng số biên bản:....0.....

Ngày 21.. tháng 12 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Thị Duyên Đào Thị Hồng Xiem



358 - 358

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK1 2022-2023

Học phần: Nguyên lý kế toán

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000390	0901020276	Đỗ Quỳnh	Anh	24/06/2003	KD9B	358	7,5	01	Anh	chẵn
2	000391	0901020456	Đỗ Thị Phương	Anh	21/07/2003	KD9B	359	6,9	01	Anh	lẻ
3	000392	0901020566	Đỗ Thị Vân	Anh	24/12/2003	KD9B	360	4,0	01	Anh	Chẵn
4	000393	0901020001	Hoàng Thị Lan	Anh	27/04/2003	KD9B	361	5,3	01	Anh	lẻ
5	000394	0901020587	Lê Hải	Anh	06/06/2003	KD9B	362	3,6	01	Anh	chẵn
6	000395	0901020644	Nguyễn Phương	Anh	01/12/2003	KD9B	363	7,0	01	Anh	lẻ
7	000396	0901080967	Phan Phương	Anh	19/11/2003	KD9B	364	3,6	01	Anh	Chẵn
8	000397	0901020610	Trương Thị Vân	Anh	11/04/2003	KD9B	365	7,8	01	Anh	lẻ
9	000398	0901030206	Vũ Minh	Anh	06/11/2003	KD9B	366	2,2	01	Anh	Chẵn
10	000399	0901020124	Nguyễn Quỳnh	Chi	10/01/2003	KD9B					ĐK
11	000400	0901020468	Ngô Đình	Dương	14/05/2003	KD9B	367	5,3	01	Dương	Chẵn
12	000401	0901020672	Phạm Thị	Giang	25/08/2003	KD9B	368	4,5	01	Giang	lẻ
13	000402	0901020391	Nguyễn Thị Thu	Hà	05/10/2003	KD9B	369	4,1	01	Hà	Chẵn
14	000403	0901020569	Lưu Thanh	Hằng	22/08/2003	KD9B	370	5,5	01	Hằng	lẻ
15	000404	0901020563	Vũ Thị Bích	Hào	01/01/2003	KD9B	371	6,3	01	Hào	Chẵn
16	000405	0901020564	Vũ Thị Minh	Hiền	01/01/2003	KD9B	372	7,9	01	Hiền	lẻ
17	000406	0901020510	Nguyễn Quỳnh	Hoa	16/12/2003	KD9B	373	7,2	02	Hoa	Chẵn
18	000407	0901020501	Nguyễn Thu	Huệ	08/11/2003	KD9B	374	8,2	01	Huệ	lẻ
19	000408	0901020053	Vũ Thị	Huyền	28/01/1998	KD9B	375	6,9	1	Huyền	Chẵn
20	000409	0901020011	Phạm Thị Phương	Lan	25/09/2003	KD9B	376	7,5	01	Lan	lẻ
21	000410	0901020050	Lê Phương	Linh	27/12/2003	KD9B	377	1,3	01	linh	Chẵn
22	000411	0901020858	Cù Thị Phương	Ly	11/06/2003	KD9B	378	6,0	01	ly	lẻ
23	000412	0901020741	Nguyễn Thị	Mai	12/07/2003	KD9B	379	6,1	01	Mai	Chẵn
24	000413	0901020024	Vũ Nhật	Minh	13/07/2003	KD9B	380	5,2	1	Minh	lẻ
25	000414	0901020215	Đỗ Trà	My	01/06/2003	KD9B	381	5,6	1	My	chẵn
26	000415	0901020608	Vũ Thị Kim	Ngân	08/05/2003	KD9B	382	7,1	1	Ngân	lẻ
27	000416	0901020317	Lê Thị	Ngọc	28/08/2003	KD9B	383	4,2	1	Ngọc	chẵn
28	000417	0901010236	Đinh Thị Thùy	Nhung	22/01/2003	KD9B	384	5,9	1	Nhung	
29	000418	0901020352	Đỗ Thị Lan	Phương	20/12/2003	KD9B	385	1,6	1	Phương	chẵn
30	000419	0901020798	Nguyễn Quang	Quý	26/01/2003	KD9B	386	5,9	1	Quý	lẻ
31	000420	0901020019	Nguyễn Văn	Thành	20/08/2002	KD9B	387	2,2	1	Thành	chẵn
32	000421	0901030040	Phạm Hải	Yến	06/05/2003	KD9B	388	5,9	1	Yến	lẻ

Tổng số sinh viên dự thi:....31.

Tổng số tờ giấy thi:....32.

Tổng số biên bản:....2.....

Ngày 21. tháng 12 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

[Signature]

[Signature]



448-486

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK1 2022-2023

Học phần: Nguyên lý kế toán

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000422	0901020688	Đỗ Phương	Thảo	08/10/2003	KD9B	448	2,5	1	Thảo	Đi chán
2	000423	0901030814	Nguyễn Thu	Thảo	11/02/2003	KD9B	449	3,5	1	Thảo	Đi lè
3	000424	0901020052	Phạm Lê Thanh	Thảo	21/08/2003	KD9B	450	4,3	1	Phạm	chấn
4	000425	0901010804	Ngô Thị	Thủy	25/02/2003	KD9B	451	7,0	1	Thủy	lè
5	000426	0901020606	Lưu Thị Kiều	Trang	21/11/2003	KD9B	452	7,4	1	Trang	chấn
6	000427	0901020250	Nguyễn Thị Huyền	Trang	21/08/2003	KD9B	453	3,5	1	Trang	lè
7	000428	0901020480	Thạch Thị Kiều	Trang	18/09/2003	KD9B	454	5,8	1	Trang	chấn
8	000429	0901020769	Trần Thị Lan	Trinh	04/08/2003	KD9B	455	5,8	1	Trinh	lè
9	000430	0901020607	Đỗ Thị Ánh	Tuyết	21/12/2002	KD9B	456	5,4	1	Tuyết	chấn
10	000431	0901020081	Ngô Thị	Vân	20/10/2003	KD9B	457	5,6	1	Vân	lè
11	000432	0901020531	Lê Ngọc	Anh	30/09/2003	KD9C	458	7,9	1	Anh	chấn
12	000433	0901020229	Nguyễn Phương	Anh	02/09/2003	KD9C	459	met	1	Anh	lè
13	000434	0901020231	Nguyễn Phương	Anh	29/12/2003	KD9C	460	7,6	1	Anh	chấn
14	000435	0901020429	Nguyễn Thị Phương	Anh	13/03/2003	KD9C	461	8,5	1	Anh	lè
15	000436	0901020855	Nguyễn Thị Vân	Anh	28/11/2003	KD9C	462	6,7	1	Anh	chấn
16	000437	0901020251	Chu Thị Ngọc	Ánh	23/08/2003	KD9C	463	3,9	1	Anh	lè
17	000438	0901020839	Nguyễn Thị Ngọc	Chi	27/10/2003	KD9C	464	3,5	1	Chi	chấn
18	000439	0901020193	Nguyễn Minh	Đức	09/02/2003	KD9C	465	4,5	1	Đức	lè
19	000440	0901020548	Nguyễn Tiến	Dũng	01/10/2003	KD9C	466	7,9	1	Dũng	chấn
20	000441	0901020623	Nguyễn Thùy	Dương	01/04/2003	KD9C	467	6,0	1	Dương	lè
21	000442	0901020045	Nguyễn Thị Hà	Giang	10/03/2003	KD9C	468	2,9	1	Giang	chấn
22	000443	0901020116	Nguyễn Thu	Hà	24/05/2003	KD9C	469	3,2	1	Hà	lè
23	000444	0901020374	Nguyễn Minh	Hằng	04/11/2003	KD9C					HP,ĐK
24	000445	0901020035	Vũ Thúy	Hiền	23/10/2003	KD9C	470	2,0	1	Hiền	lè
25	000446	0901020738	Tạ Thị	Hoa	04/06/2003	KD9C	471	3,4	1	Hoa	chấn
26	000447	0901020638	Khuất Duy	Hưng	13/12/2003	KD9C	472	7,1	1	Hưng	lè
27	000448	0901020357	Phan Thị Quỳnh	Hương	21/11/2003	KD9C	473	6,9	1	Hương	chấn
28	000449	0901020172	Vũ Thanh	Hương	09/07/1997	KD9C					HP,ĐK
29	000450	0901020345	Trần Quốc	Huy	19/04/2001	KD9C					ĐK
30	000451	0901020811	Nguyễn Thị	Lành	20/02/2003	KD9C	474	2,7	1	Lành	lè
31	000452	0901010097	Ngô Diệu	Linh	06/12/2003	KD9C	475	5,0	1	Linh	chấn
32	000453	0901020726	Nguyễn Thị Thùy	Linh	26/03/2003	KD9C	476	7,4	1	Linh	lè

Tổng số sinh viên dự thi: 29

Tổng số tờ giấy thi: 29

Tổng số biên bản: 6

Ngày 21 tháng 12 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Đỗ Thị Tuyết Núi
Linh Thị Minh



1-32

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK1 2022-2023

Học phần: Nguyên lý kế toán

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000454	0901020516	Phạm Thị Hiền	Lương	25/08/2003	KD9C	32	6,2	01	Lương	
2	000455	0901020368	Nguyễn Thị Hồng	Mai	11/08/2003	KD9C	31	2,9	01	Mai	
3	000456	0901020448	Nguyễn Thị	Mùi	28/12/2003	KD9C	30	7,3	01	Mùi	
4	000457	0901020625	Hà Kim	Ngân	08/04/2003	KD9C	29	8,7	01	Ngân	
5	000458	0901030105	Bùi Minh	Nghĩa	23/12/2003	KD9C	28	2,1	01	Nghĩa	
6	000459	0901020201	Nguyễn Hồng	Ngọc	02/02/2003	KD9C	27	2,2	01	Ngọc	
7	000460	0901020319	Phạm Hồng	Nhung	09/01/2003	KD9C	26	4,8	01	Nhung	
8	000461	0901020655	Hà Thu	Phương	17/12/2003	KD9C	25	6,5	01	Phương	
9	000462	0901020576	Nguyễn Thị Minh	Phương	12/05/2003	KD9C	24	6,9	01	Phương	
10	000463	0901020696	Vũ Mai	Phương	14/06/2003	KD9C	23	2,2	01	Phương	
11	000464	0901020758	Nguyễn Thị	Quý	28/07/2003	KD9C	22	9,3	01	Quý	
12	000465	0901020298	Nguyễn Bùi Trúc	Quỳnh	03/12/2003	KD9C	21	5,7	01	Quỳnh	
13	000466	0901020476	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	26/10/2003	KD9C	20	9,5	01	Tâm	
14	000467	0901020187	Phạm Phương	Thảo	26/12/2003	KD9C	19	2,8	01	Thảo	
15	000468	0901020779	Lê Thị Huyền	Trang	21/03/2003	KD9C	18	8,0	01	Trang	
16	000469	0901020311	Lê Thị Quỳnh	Trang	05/06/2003	KD9C	17	3,3	01	Trang	
17	000470	0901020559	Trần Quỳnh	Trang	23/01/2003	KD9C	16	8,3	01	Trang	
18	000471	0901020086	Trần Thị Huyền	Trang	17/11/2003	KD9C	15	4,2	1	Trang	
19	000472	0901020381	Lê Thanh	Trúc	17/06/2003	KD9C	14	5,6	1	Trúc	
20	000473	0901020168	Trần Khánh	Vân	02/12/2003	KD9C	13	6,0	1	Trần	
21	000474	0901020847	Nguyễn Thị	Xuyến	06/08/2003	KD9C	12	5,9	01	Xuyến	
22	000475	0901030044	Phạm Thị	Yến	04/11/2003	KD9C	11	3,3	01	Yến	
23	000476	0901020359	Lỗ Thị Mai	Anh	02/11/2003	KD9D	10	3,6	01	Anh	
24	000477	0901020906	Nguyễn Thị Lan	Anh	14/07/2003	KD9D	9	2,6	01	Anh	
25	000478	0901020942	Nguyễn Thị Quế	Anh	11/12/2003	KD9D	8	3,4	01	Anh	
26	000479	0901020720	Nguyễn Thị Trâm	Anh	17/12/2003	KD9D	7	4,7	01	Anh	
27	000480	0901070716	Nguyễn Vũ Hà	Anh	23/10/2003	KD9D	6	4,7	01	Anh	
28	000481	0901020027	Phạm Hà Lan	Anh	25/12/2003	KD9D	5	2,5	01	Anh	
29	000482	0901020263	Phạm Lan	Anh	01/11/2003	KD9D	4	1,3	01	Anh	
30	000483	0901020449	Đỗ Thị	Ánh	11/02/2003	KD9D	3	6,9	01	Anh	
31	000484	0901020657	Phạm Linh	Chi	27/12/2003	KD9D	2	7,2	01	Chi	
32	000485	0901020593	Nguyễn Thành	Công	24/09/2003	KD9D	1	2,0	01	Công	

Tổng số sinh viên dự thi: 32

Tổng số tờ giấy thi: 32

Tổng số biên bản: 0

Ngày 24 tháng 12 Năm 2022

Cán bộ coi thí 1

Cán bộ coi thí 2

Bùi Thị Minh Phương

Nguyễn Thị Ngọc



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK1 2022-2023

Học phần: Nguyên lý kế toán

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000486	0901020016	Phạm Thành	Đạt	01/08/2003	KD9D	90	4.0	01	Đạt	Chẵn
2	000487	0901020143	Nguyễn Quang	Duy	20/04/2003	KD9D	91	4.0	01	Duy	Lẻ
3	000488	0901020643	Chu Thị Thu	Hà	21/03/2003	KD9D	92	2.7	01	Hà	Chẵn
4	000489	0901020689	Nguyễn Thu	Hà	26/06/2003	KD9D	93	7.8	01	Hà	Lẻ
5	000490	0901020902	Phạm Ngọc	Hà	09/10/2003	KD9D	94	5.3	01	Hà	Chẵn
6	000491	0901030207	Ngô Minh	Hiền	30/05/2003	KD9D	95	5.4	01	Hiền	HP Đản nq
7	000492	0901010427	Ngô Minh	Hiếu	20/10/2003	KD9D	96	5.0	01	Hiếu	Chẵn
8	000493	0901020959	Vũ Thị Thanh	Hoa	25/01/2003	KD9D	97	7.2	01	Hoa	Lẻ
9	000494	0901020630	Vũ Thị	Hòa	01/12/2002	KD9D	98	4.9	01	Hòa	Chẵn
10	000495	0901020344	Nguyễn Quang	Hưng	28/09/2003	KD9D					HP, ĐK
11	000496	0901020628	Hoàng Thu	Hường	27/09/2003	KD9D	99	6.0	01	Hường	Chẵn
12	000497	0901020815	Dương Minh	Huyền	01/06/2003	KD9D	100	7.8	01	Huyền	Lẻ
13	000498	0901020619	Trần Tú	Loan	28/11/2003	KD9D	101	6.5	01	Loan	HP Đản nq
14	000499	0901020162	Lê Thị Khánh	Ly	03/08/2003	KD9D	102	5.3	01	Ly	Lẻ
15	000500	0901020668	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	22/10/2003	KD9D	103	9.3	01	Mai	Chẵn
16	000501	0901020384	Dương Thị Yến	My	28/01/2003	KD9D	104	5.9	01	My	Lẻ
17	000502	0901020694	Hoàng Khánh	Ngân	15/07/2003	KD9D	105	5.9	01	Ngân	Chẵn
18	000503	0901020184	Phạm Thị Bích	Ngọc	14/08/2003	KD9D	106	6.0	01	Ngọc	Lẻ
19	000504	0901020440	Lê Thị Ngọc	Như	14/07/2003	KD9D	107	9.3	01	Như	Chẵn
20	000505	0901040934	Lê Thị Kiều	Oanh	10/07/2003	KD9D	108	8.3	01	Oanh	Lẻ
21	000506	0901020514	Nguyễn Thị Thu	Phuong	02/02/2003	KD9D	109	9.0	01	Phuong	Chẵn
22	000507	0901020182	Cao Thúy	Quỳnh	21/10/2002	KD9D	110	8.8	01	Quỳnh	Chẵn
23	000508	0901030031	Nguyễn Như	Quỳnh	17/10/2003	KD9D	111	8.0	01	Quỳnh	Chẵn
24	000509	0901020580	Hà Thị Phương	Thảo	04/10/2002	KD9D	112	9.6	01	Thảo	Lẻ
25	000510	0901020454	Nguyễn Thanh	Thảo	28/09/2003	KD9D	113	7.0	01	Thảo	Chẵn
26	000511	0901020519	Phạm Thanh	Thảo	09/08/2003	KD9D	114	5.5	01	Thảo	Lẻ
27	000512	0901070083	Phạm Thị Thanh	Thảo	23/08/2003	KD9D	115	7.4	01	Thảo	Chẵn
28	000513	0901010676	Nguyễn Thị Hà	Thu	28/10/2003	KD9D	116	5.8	01	Thu	Lẻ
29	000514	0901020808	Đường Thị Minh	Thư	06/09/2003	KD9D	117	6.4	01	Thư	Chẵn
30	000515	0901020422	Bùi Thị	Thương	11/12/2003	KD9D	118	6.4	01	Thương	Lẻ
31	000516	0901020521	Lê Thị Thuỳ	Trang	15/02/2003	KD9D	119	3.5	01	Trang	Chẵn
32	000517	0901020378	Trần Thị Thùy	Trang	08/05/2003	KD9D	120	7.8	01	Trang	Lẻ

Tổng số sinh viên dự thi: 34...

Tổng số tờ giấy thi: 31...

Tổng số biên bản: 0.....

Ngày 21 tháng 12 năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Thị Phương Hoa

Nguyễn Thị Phương Hoa



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK1 2022-2023

Học phần: Nguyên lý kế toán

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000518	0901020729	Lương Đức	Trung	07/11/2003	KD9D	332	5,3	01	Trung	Chấn
2	000519	0901020966	Phan Thị Tâm	Tuệ	21/03/2003	KD9D	333	4,3	01	Tuệ	lẻ
3	000520	0901030079	Trần Thị	Vân	01/03/2002	KD9D	334	4,3	01	Vân	chấn
4	000521	0901020663	Đỗ Thị Thúy	An	22/05/2003	KD9E					HP
5	000522	0901010076	Lương Hoàng	Anh	26/09/2003	KD9E	335	6,1	01	Anh	chấn
6	000523	0901020733	Nguyễn Thị Kiều	Anh	22/11/2003	KD9E	336	4,6	01	Anh	lẻ
7	000524	0901020324	Phạm Ngọc	Anh	18/09/2003	KD9E	337	4,3	01	Anh	chấn
8	000525	0901020186	Ngô Thị Ngọc	Ánh	07/04/2003	KD9E	338	4,3	01	Ánh	lẻ
9	000526	0901020403	Phạm Thị Ngọc	Ánh	16/08/2003	KD9E	339	2,3	01	Ánh	chấn
10	000527	0901020761	Võ Thị Quỳnh	Chi	29/12/2003	KD9E	430	6,3	01	Chi	lẻ
11	000528	0901020728	Hà Hồng	Duyên	13/06/2003	KD9E	341	4,4	01	Duyên	chấn
12	000529	0901020721	Đặng Thúy	Hà	24/04/2003	KD9E	342	2,7	1	Thúy	lẻ
13	000530	0901020627	Hoàng Hải	Hà	28/11/2003	KD9E	343	5,2	01	Hà	chấn
14	000531	0901020502	Trần Thị Thu	Hà	17/08/2003	KD9E	344	4,5	01	Hà	lẻ
15	000532	0901020739	Nguyễn Thị Vân	Hằng	03/01/2003	KD9E	345	7,7	01	Hằng	chấn
16	000533	0901020503	Đỗ Thị	Hoa	07/03/2003	KD9E	346	1,3	01	Hoa	lẻ
17	000534	0901020908	Kim Phương	Hoài	13/10/2003	KD9E	347	4,2	01	Hoài	chấn
18	000535	0901020488	Nguyễn Thanh	Hoài	13/06/2003	KD9E	348	9,7	01	Hoài	lẻ
19	000536	0901020968	Trần Mạnh	Hùng	13/09/2003	KD9E	349	1,5	01	Hùng	chấn
20	000537	0901020487	Phùng	Hưng	06/12/2003	KD9E	350	1,1	01	Hưng	lẻ
21	000538	0901020620	Phạm Thị Lan	Hương	02/07/2003	KD9E					HP,ĐK
22	000539	0901020241	Trần Thị Việt	Hương	08/10/2003	KD9E	351	3,9	01	Hương	lẻ
23	000540	0901020886	Lê Ngọc	Huyền	22/08/2003	KD9E	352	8,8	01	Huyền	chấn
24	000541	0901020821	Nguyễn Thị Mai	Liên	11/10/2003	KD9E	353	6,1	01	Liên	lẻ
25	000542	0901020099	Nguyễn Phương	Linh	04/10/2003	KD9E					HP
26	000543	0901060455	Vũ Thị Kim	Loan	31/03/2003	KD9E	354	2,4	01	Loan	lẻ
27	000544	0901020392	Nguyễn Thị	Ly	09/12/2003	KD9E					HP
28	000545	0901020690	Phạm Thị	Mai	24/05/2003	KD9E	355	8,8	01	Mai	lẻ
29	000546	0901020955	Phạm Xuân	Mai	21/08/2003	KD9E					ĐK
30	000547	0901030624	Quách Thị	My	06/06/2003	KD9E	356	8,1	01	My	lẻ
31	000548	0901020670	Nguyễn Thị Thu	Ngân	29/01/2003	KD9E	357	1,5	01	Ngân	chấn

Tổng số sinh viên dự thi: 26.....

Tổng số tờ giấy thi: 26.....

Tổng số biên bản: 0.....

Ngày 24 tháng 12 năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Thùy Dung

Đinh Thị Liên



4.17 - 4.47

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK1 2022-2023

Học phần: Nguyên lý kế toán

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000549	0901020106	Trần Hải	Ngọc	10/08/2002	KD9E	417	3,7	01	Ngọc	
2	000550	0901020853	Lục Ái	Như	10/06/2003	KD9E	418	4,0	01	Như	
3	000551	0901030178	Trần Hồng	Nhung	17/12/2003	KD9E	419	4,3	01	Nhung	
4	000552	0901030568	Hoàng Hải	Ninh	24/09/2003	KD9E	420	4,8	01	Ninh	
5	000553	0901020499	Nguyễn Minh	Phương	12/08/2003	KD9E	421	3,6	01	Phương	
6	000554	0901020290	Nguyễn Thị Thúy	Phương	27/12/2003	KD9E	422	4,7	01	Phương	
7	000555	0901020316	Nguyễn Minh	Quân	23/09/2003	KD9E	423	4,9	01	Quân	
8	000556	0901020834	Chu Trần Hương	Quỳnh	18/09/2003	KD9E	424	3,0	01	Quỳnh	
9	000557	0901020379	Đào Phương	Thảo	17/11/2003	KD9E	425	5,0	01	Thảo	
10	000558	0901020191	Lê Phương	Thảo	18/05/2003	KD9E	426	3,1	01	Thảo	
11	000559	0901020437	Tô Phương	Thảo	14/04/2003	KD9E	427	2,5	01	Thảo	
12	000560	0901020084	Nguyễn Thị Thanh	Thư	06/02/2003	KD9E	428	4,8	01	Thư	
13	000561	0901030252	Nguyễn Thị Thanh Thanh	Thư	11/05/2003	KD9E	429	4,4	01	Thư	
14	000562	0901020529	Nguyễn Phương	Thúy	18/03/2003	KD9E	430	3,4	01	Thúy	
15	000563	0901020574	Đào Thu	Trang	13/10/2003	KD9E	431	6,1	01	Trang	
16	000564	0901020746	Lê Thị Huyền	Trang	15/09/2003	KD9E	432	1,9	01	Trang	
17	000565	0901020271	Lê Thùy	Trang	16/05/2003	KD9E	433	5,0	01	Trang	
18	000566	0901020929	Nguyễn Thị	Trang	04/06/2003	KD9E	434	5,8	01	Trang	
19	000567	0901020747	Nguyễn Thị Thu	Trang	27/03/2003	KD9E	435	4,0	01	Trang	
20	000568	0901020482	Trần Thị Thùy	Trang	28/02/2003	KD9E	436	6,4	01	Trang	
21	000569	0901020528	Trần Đỗ	Trung	04/05/2003	KD9E	437	4,8	01	Trung	
22	000570	0901040292	Đinh Văn	Tú	23/03/2003	KD9E	438	5,0	01	Tú	
23	000571	0901020202	Đào Ngọc	Anh	09/10/2003	KD9G	439	4,8	01	Anh	
24	000572	0901020674	Nguyễn Hà	Anh	27/11/2003	KD9G	440	9,4	01	Anh	
25	000573	0901020573	Nguyễn Thị Lan	Anh	04/02/2003	KD9G	441	2,8	01	Anh	
26	000574	0901020636	Phạm Phương	Anh	07/09/2003	KD9G	442	7,3	01	Anh	
27	000575	0901020832	Hoàng Đức	Bình	04/06/2003	KD9G	443	3,0	01	Bình	
28	000576	0901020687	Nguyễn Phương	Chinh	14/10/2003	KD9G	444	9,1	01	Chinh	
29	000577	0901020393	Vũ Đỗ Hồng	Diệp	29/11/2003	KD9G	445	4,0	01	Diệp	
30	000578	0901020308	Hoàng Bích	Duyên	21/05/2003	KD9G	446	6,5	01	Duyên	
31	000579	0901020554	Đỗ Thị Thu	Hà	25/06/2003	KD9G	447	8,5	1	Hà	

Tổng số sinh viên dự thi: 31...

Tổng số tờ giấy thi: 31...

Tổng số biên bản: 0.....

Ngày 21 tháng 12 năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Đào Thị Hồng

Nguyễn Thị Hồng Thúy



389-416

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK1 2022-2023

Học phần: Nguyên lý kế toán

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000580	0901020757	Nguyễn Thu	Hằng	09/08/2003	KD9G	389	0,3	01	Y2	
2	000581	0901020038	Lưu Thị Thu	Hạnh	13/03/2003	KD9G	390	7,1	01	Hạnh	
3	000582	0901020198	Nguyễn Minh	Hiếu	08/11/2003	KD9G					HP
4	000583	0901020588	Phạm Thị Thu	Hoài	12/06/2003	KD9G	391	1,6	01	Huỳnh	
5	000584	0901020300	Giáp Thị Thu	Hương	14/04/2000	KD9G	392	4,7	01	Huỳnh	
6	000585	0901020879	Nguyễn Thu	Hương	27/03/2003	KD9G	393	3,8	01	Huỳnh	
7	000586	0901060692	Đỗ Thị Thu	Huyền	14/10/2003	KD9G	394	2,8	1	Huỳnh	
8	000587	0901010293	Ma Tuấn	Khanh	20/06/2003	KD9G	395	4,1	01	Khanh	
9	000588	0901020860	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	25/01/2003	KD9G	396	9,0	01	Lan	
10	000589	0901020831	Phạm Thị	Liên	09/09/2003	KD9G	397	5,7	01	Liên	
11	000590	0901020570	Nguyễn Thị Khánh	Linh	28/08/2003	KD9G	398	5,4	01	Linh	
12	000591	0901020598	Nguyễn Hải	Ly	25/11/2003	KD9G	399	1,0	1	Ly	
13	000592	0901030057	Lưu Quang	Minh	29/07/2003	KD9G	400	3,4	01	Minh	
14	000593	0901020778	Lý Thị	My	22/02/2003	KD9G	401	8,2	01	My	
15	000594	0901020412	Nguyễn Thị Thùy	Ngân	28/10/2003	KD9G					ĐK
16	000595	0901030813	Bùi Thị Tuyết	Nhi	12/01/2003	KD9G	402	7,0	01	Nhi	
17	000596	0901020597	Nguyễn Hải	Phương	11/09/2003	KD9G	403	5,3	01	Phương	
18	000597	0901020824	Nguyễn Thu	Phương	26/08/2003	KD9G	404	4,4	01	Phương	
19	000598	0901020869	Dương Tuyết	Quỳnh	24/04/2003	KD9G	405	9,5	01	Quỳnh	
20	000599	0901020071	Lê Thị Ngọc	Quỳnh	04/10/2003	KD9G	406	1,5	01	Quỳnh	
21	000600	0901010616	Trần Thị Như	Quỳnh	10/09/2003	KD9G	407	2,2	01	Quỳnh	
22	000601	0901020421	Đào Mạnh	Son	02/11/2003	KD9G	408	3,6	01	Son	
23	000602	0901020649	Lương Thị Phương	Thảo	06/04/2003	KD9G	409	5,0	01	Thảo	
24	000603	0901020578	Trần Hương	Thảo	14/01/2003	KD9G	410	9,5	01	Thảo	
25	000604	0901020196	Nguyễn Thanh	Toàn	18/10/2003	KD9G	411	5,1	01	Toàn	
26	000605	0901020161	Đinh Thị	Trang	14/03/2003	KD9G	412	2,0	01	Trang	
27	000606	0901020065	Nguyễn Kiều	Trang	26/01/2003	KD9G					HP, ĐK
28	000607	0901020330	Trương Hồ Huyền	Trang	22/09/2001	KD9G	413	3,6	01	Trang	
29	000608	0901020963	Đinh Thanh	Tú	29/05/2003	KD9G	414	4,1	1	Tú	
30	000609	0901020051	Nguyễn Văn	Tú	02/12/2003	KD9G	415	4,8	01	Tú	
31	000610	0901020617	Lê Phan Phương	Uyên	01/09/2003	KD9G	416	7,3	01	Uyên	

Tổng số sinh viên dự thi: 38...

Tổng số tờ giấy thi: 38...

Tổng số biên bản: 0.....

Ngày 21 tháng 12 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Kính Thị Hồng Thái

Trần Thị Huyền



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK1 2022-2023

Học phần: Nguyên lý kế toán

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000611	0901020749	Trần Thảo	Vân	01/08/2003	KD9G	271	6,7	1	Vân	lẻ
2	000612	0901020087	Đỗ Phương	Anh	02/01/2003	KD9H	272	3,4	1	Anh	Chẵn
3	000613	0901020167	Nguyễn Lan	Anh	08/11/2003	KD9H	273	6,0	1	Anh	lẻ
4	000614	0901040693	Nguyễn Thị Lan	Anh	09/06/2003	KD9H	274	6,5	1	Anh	Chẵn
5	000615	0901010029	Vũ Thị Kim	Cúc	18/12/2003	KD9H	275	4,0	1	Cúc	lẻ
6	000616	0901020541	Nguyễn Ngọc	Diễm	24/10/2003	KD9H	276	6,3	1	Diễm	Chẵn
7	000617	0901020800	Nguyễn Thị Thu	Duyên	24/01/2003	KD9H	277	8,3	1	Duyên	lẻ
8	000618	0901020140	Đào Thị Hương	Giang	13/09/2003	KD9H					HP, ĐK
9	000619	0901020626	Lê Thị	Hà	29/11/2003	KD9H	278	9,2	1	Hà	lẻ
10	000620	0901020940	Phạm Minh	Hằng	13/03/2003	KD9H	279	9,1	1	Hằng	Chẵn
11	000621	0901020342	Phạm Thu	Hằng	03/11/2003	KD9H	280	6,6	1	Hằng	lẻ
12	000622	0901020637	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	07/07/2003	KD9H	281	2,0	1	Hạnh	Chẵn
13	000623	0901020939	Nguyễn Thị Thảo	Hiền	11/10/2003	KD9H	282	8,0	1	Hiền	lẻ
14	000624	0901020145	Nguyễn Thị Minh	Hiếu	16/12/2003	KD9H	283	4,8	1	Hiếu	lẻ (Chẵn)
15	000625	0901020026	Phạm Thị Mai	Hoa	25/09/2003	KD9H	284	4,8	1	Hoa	lẻ
16	000626	0901020453	Nguyễn Thị Thu	Hoàn	25/10/2003	KD9H	285	4,5	1	Hoàn	Chẵn
17	000627	0901020532	Ngô Mai	Hương	10/11/2003	KD9H	286	5,9	1	Hương	lẻ
18	000628	0901020542	Lê Thị Khánh	Huyền	22/11/2003	KD9H	287	3,3	1	Huyền	Chẵn
19	000629	0901020199	Đỗ Xuân	Huỳnh	20/10/2003	KD9H	288	3,6	1	Huỳnh	lẻ
20	000630	0901020633	Đỗ Lê	Khánh	23/12/2003	KD9H	289	5,5	1	Khánh	Chẵn
21	000631	0901020891	Nguyễn Ngọc	Lan	20/11/2003	KD9H	290	4,1	1	Lan	lẻ
22	000632	0901020258	Chu Thị Thùy	Linh	06/02/2003	KD9H	291	1,9	1	Linh	Chẵn
23	000633	0901020095	Huỳnh Diệu	Linh	07/11/2003	KD9H	292	4,7	1	Linh	lẻ
24	000634	0901020313	Phạm Hải	Lý	26/02/2002	KD9H	293	1,9	1	Lý	Chẵn
25	000635	0901020078	Nguyễn Nhật	Minh	05/10/2002	KD9H	294	2,0	1	Minh	lẻ
26	000636	0901020782	Lê Đức	Nam	17/08/2003	KD9H	295	1,4	1		Chẵn
27	000637	0901020321	Phạm Thị Kim	Ngân	02/10/2003	KD9H	296	8,2	1	Ngân	lẻ
28	000638	0901020472	Hà Kiều	Nhi	05/09/2003	KD9H	297	3,5	1	Nhi	Chẵn
29	000639	0901030581	Phạm Hồng	Phương	03/12/2003	KD9H	298	2,0	1	Phương	lẻ
30	000640	0901020171	Vũ Thu	Phương	10/10/2003	KD9H	299	4,3	21	Phương	Chẵn
31	000641	0901020397	Phạm Thị	Phượng	21/02/2003	KD9H	300	3,8	1	Phượng	lẻ

Tổng số sinh viên dự thi: 30....

Tổng số tờ giấy thi: 30....

Tổng số biên bản: 0....

Ngày 21. tháng 12. Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Trần Thị Thu

Phạm Thị Chanh



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK1 2022-2023

Học phần: Nguyên lý kế toán

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000642	0901020469	Nguyễn Như	Quỳnh	03/08/2003	KD9H	121	5,0	01	Quỳnh	Chấn
2	000643	0901020793	Phan Thị	Thắm	16/07/2003	KD9H	122	6,9	01	Thắm	lẻ
3	000644	0901010755	Bùi Thị	Thảo	21/01/2003	KD9H	123	2,2	01	Thảo	Chấn
4	000645	0901020353	Đỗ Thị	Thảo	23/02/2003	KD9H	124	4,6	01	Thảo	lẻ
5	000646	0901020157	Nguyễn Hoàng Phương	Thảo	22/08/2003	KD9H	125	2,2	01	Thảo	Chấn
6	000647	0901020565	Vũ Phương	Thảo	24/03/2003	KD9H	126	8,3	01	Thảo	lẻ
7	000648	0901020320	Phạm Thanh	Thư	09/05/2003	KD9H					HP,ĐK
8	000649	0901020155	Nguyễn Thị Huyền	Trang	02/01/2003	KD9H	127	6,9	01	Trang	lẻ
9	000650	0901020190	Võ Thùy	Trang	29/10/2003	KD9H	128	2,6	01	Trang	Chấn
10	000651	0901020773	Trần Anh	Tuấn	08/10/2003	KD9H	129	6,1	01	Tuấn	lẻ
11	000652	0901020234	Nguyễn Thị	Uyên	14/12/2003	KD9H	130	0,8	01	Uyên	Chấn
12	000653	0901060463	Phạm Thị	Uyên	04/04/2003	KD9H	131	6,0	01	Uyên	lẻ
13	000654	0901030549	Đỗ Thị	Vui	26/02/2003	KD9H	132	2,0	01	Vui	Chấn
14	000655	0901060388	Nguyễn Minh	Anh	30/06/2003	KD9K	133	4,0	01	Anh	lẻ
15	000656	0901020426	Quản Thị Vân	Anh	26/11/2003	KD9K	134	8,4	01	Anh	Chấn
16	000657	0901020801	Phạm Thị	Châm	11/03/2003	KD9K	135	5,8	01	Châm	lẻ
17	000658	0901060257	Nguyễn Thị Tuyết	Chinh	22/03/2003	KD9K	136	6,3	01	Chinh	Chấn
18	000659	0901020333	Hà Thúy	Diệp	06/05/2003	KD9K	137	5,9	01	Diệp	lẻ
19	000660	0901020445	Lê Thùy	Dung	13/04/2003	KD9K	138	8,9	01	Dung	Chấn
20	000661	0901010994	Đỗ Hữu	Dũng	15/07/2001	KD9K					HP,ĐK
21	000662	0901020774	Hoàng Thị Thùy	Dương	09/10/2003	KD9K	139	7,5	01	Dương	Chấn
22	000663	0901020551	Hoàng Hương	Giang	21/09/2003	KD9K	140	7,8	01	Hương	lẻ
23	000664	0901020346	Nguyễn Thị Hương	Giang	28/12/2003	KD9K	141	7,5	01	Giang	Chấn
24	000665	0901020845	Nguyễn Thu	Giang	25/02/2003	KD9K	142	6,4	01	Thu	lẻ
25	000666	0901060005	Nguyễn Hữu	Hào	26/11/2003	KD9K	143	6,8	01	Hào	Chấn
26	000667	0901020642	Đinh Thị	Hậu	04/10/2003	KD9K	144	2,4	01	Hậu	lẻ
27	000668	0901020232	Trịnh Minh	Hiếu	15/12/2003	KD9K	145	2,6	01	Hiếu	Chấn
28	000669	0901020110	Nguyễn Huy	Hoàng	29/10/2003	KD9K	146	5,3	01	Huy	lẻ
29	000670	0901020513	Nguyễn Thanh	Hương	21/08/2003	KD9K	147	9,0	01	Hương	Chấn
30	000671	0901020751	Nguyễn Ngọc	Huyền	10/02/2003	KD9K	148	6,0	01	Huyền	lẻ
31	000672	0901020407	Lê Kim	Khánh	04/10/2003	KD9K	149	6,7	01	Khánh	Chấn

Tổng số sinh viên dự thi: ... 29

Tổng số tờ giấy thi: ... 29

Tổng số biên bản: ... 0

Ngày 2.1 tháng 11 Năm ... 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Sund
Đoàn Thị Linh

Nguyễn Thị Minh Tâm



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK1 2022-2023

Học phần: Nguyên lý kế toán

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000673	0901020242	Bùi Thị	Linh	01/12/2003	KD9K	301	7,7	1	Linh	lẻ
2	000674	0901020863	Đỗ Thủy	Linh	08/04/2002	KD9K	302	5,3	1	Linh	chẵn
3	000675	0901020260	Đỗ Thủy	Linh	27/07/2003	KD9K	303	5,4	1	Linh	lẻ
4	000676	0901020613	Nguyễn Thanh	Loan	31/12/2003	KD9K	304	9,3	1	Loan	chẵn
5	000677	0901020980	Hoàng Văn	Minh	04/09/2002	KD9K	305	3,7	1	Minh	lẻ
6	000678	0901020622	Nguyễn Thị Phương	Minh	04/11/2003	KD9K	306	7,4	1	Minh	chẵn
7	000679	0901020277	Bùi Thị	Nga	09/09/2002	KD9K	307	9,5	1	Nga	lẻ
8	000680	0901020615	Vương Hồng Thủy	Ngân	12/04/2003	KD9K	308	8,0	1	Ngân	chẵn
9	000681	0901010210	Lê Nguyễn Phương	Nhi	17/12/2003	KD9K	309	4,5	1	Nhi	lẻ
10	000682	0901020109	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	19/07/2003	KD9K	310	8,9	1	Nhung	682 chẵn
11	000683	0901020438	Lê Tấn	Phát	01/01/2003	KD9K	311	7,4	1	Phát	chẵn
12	000684	0901020791	Nguyễn Phương	Quỳnh	29/07/2003	KD9K	312	8,4	1	Quỳnh	chẵn
13	000685	0901020066	Đặng Hồng	Thắm	04/03/2003	KD9K	313	1,3	1	Thắm	lẻ
14	000686	0901020505	Nguyễn Phương	Thảo	18/04/2003	KD9K	314	7,4	1	Thảo	chẵn
15	000687	0901020126	Trần Thị Minh	Thư	05/01/2003	KD9K	315	6,8	1	Thư	lẻ
16	000688	0901020921	Cáp Thị Thanh	Tiếp	12/02/2003	KD9K	316	7,1	1	Tiếp	chẵn
17	000689	0901030851	Bùi Thị	Trang	13/12/2002	KD9K	317	4,0	1	Trang	103 chẵn
18	000690	0901020382	Đỗ Thu	Trang	04/03/2003	KD9K	318	2,0	1	Trang	chẵn
19	000691	0901020714	Nguyễn Thị Thu	Trang	22/05/2003	KD9K	319	3,1	1	Trang	lẻ
20	000692	0901010042	Vũ Huyền	Trang	14/12/2003	KD9K	320	4,9	1	Trang	chẵn
21	000693	0901020112	Lê Việt	Trình	28/08/2001	KD9K	321	9,0	1	Trình	lẻ
22	000694	0901020898	Nguyễn Vũ Thanh	Tùng	30/12/2003	KD9K	322	3,9	1	Tùng	chẵn
23	000695	0901020680	Trần Duy	Tùng	12/07/2003	KD9K	323	8,9	1	Tùng	lẻ
24	000696	0901020496	Nguyễn Thị	Xuân	23/04/2003	KD9K	324	3,0	1	Xuân	chẵn
25	000697	0901020297	Hà Phương	Anh	21/02/2003	KD9M	325	4,0	1	Anh	697 lẻ
26	000698	0901020288	Nguyễn Ngọc	Anh	09/06/2003	KD9M	326	1,3	1	Anh	chẵn
27	000699	0901020844	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	06/10/2003	KD9M	327	3,8	1	Anh	lẻ
28	000700	0901020049	Trần Mỹ	Anh	27/04/2003	KD9M	328	1,3	1	Anh	chẵn
29	000701	0901020474	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	07/07/2003	KD9M	329	6,3	1	Ánh	lẻ
30	000702	0901020177	Hoàng Linh	Chi	28/04/2003	KD9M	330	1,3	1	Chi	chẵn
31	000703	0901030326	Phạm Thị	Doanh	07/07/2003	KD9M	331	2,7	1	Doanh	703 lẻ

Tổng số sinh viên dự thi:....31.

Tổng số tờ giấy thi:....31.

Tổng số biên bản:....0.

Ngày 21 tháng 12 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Trang

Vũ Thị Trang

Nguyễn Thị Thảo



150 - 150

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK1 2022-2023

Học phần: Nguyên lý kế toán

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000704	0901020075	Lê Thị Thùy	Dương	18/06/2003	KD9M	150	4,9	1	Dương	chẵn
2	000705	0901020310	Chu Thị	Hải	15/11/2003	KD9M	151	4,4	1	Hải	lẻ
3	000706	0901020543	Đào Thu	Hiền	27/01/2003	KD9M	152	7,3	1	Huân	chẵn
4	000707	0901020930	Nguyễn Thị Thu	Hiền	18/12/2003	KD9M	153	6,1	1	Hiền	lẻ
5	000708	0901010685	Bùi Tuyết	Hoa	31/07/2003	KD9M	154	3,8	1	Hoa	chẵn
6	000709	0901020890	Lê Thị Hồng	Hoa	24/05/2003	KD9M	155	5,9	1	Hoa	lẻ
7	000710	0901020443	Trần Thanh	Hoàng	21/02/2003	KD9M	156	7,8	1	Hoàng	chẵn
8	000711	0901020304	Nguyễn Thị Thu	Hồng	06/06/2003	KD9M	157	3,4	1	Hồng	lẻ
9	000712	0901020484	Nguyễn Thị Quỳnh	Hương	06/09/2003	KD9M	158	5,4	1	Hương	chẵn
10	000713	0901020654	Nguyễn Thu	Huyền	06/02/2003	KD9M	159	8,6	1	Huyền	lẻ
11	000714	0901020272	Trần Hoàng	Khánh	03/10/2003	KD9M	160	3,5	1	Khánh	chẵn
12	000715	0901020068	Hà Huyền	Linh	16/01/2003	KD9M	161	5,4	1	Linh	lẻ
13	000716	0901020861	Nguyễn Thị	Linh	04/07/2003	KD9M	162	3,9	1	Linh	chẵn
14	000717	0901020306	Nguyễn Thiện	Lộc	19/04/2003	KD9M	163	3,0	1	Lộc	lẻ
15	000718	0901030080	Đoàn Thị Ngọc	Mai	15/12/2003	KD9M	164	6,6	1	Mai	chẵn
16	000719	0901020497	Đào Ngọc	Minh	24/11/2003	KD9M	165	2,3	1	Minh	lẻ
17	000720	0901020658	Nguyễn Trọng	Minh	12/07/2003	KD9M	166	2,9	1	Minh	chẵn
18	000721	0901020842	Ngô Thị Phương	Nga	31/03/2003	KD9M	167	5,8	1	Nga	lẻ
19	000722	0901020114	Trần Thị Kim	Nghĩa	11/04/2003	KD9M	168	3,5	1	Nghĩa	chẵn
20	000723	0901020671	Chu Thị Hồng	Nhung	07/12/2003	KD9M	169	7,8	1	Nhung	lẻ
21	000724	0901060567	Lê Hồng	Phong	13/07/2003	KD9M	170	6,6	1	Phong	chẵn
22	000725	0901020790	Vũ Mai	Phương	24/06/2003	KD9M	171	4,3	1	Phương	lẻ
23	000726	0901020467	Hoàng Thị Tâm	Thanh	20/12/2003	KD9M	172	9,2	1	Thanh	chẵn
24	000727	0901020828	Đoàn Hương	Thảo	01/06/2003	KD9M	173	7,7	1	Thảo	lẻ (77)
25	000728	0901010859	Nguyễn Thị	Thảo	23/05/2003	KD9M	174	2,2	1	Thảo	chẵn
26	000729	0901020827	Nguyễn Thị	Thảo	27/10/2003	KD9M	175	8,3	1	Ng. Thảo	lẻ
27	000730	0901020136	Ngô Xuân	Thức	07/03/2003	KD9M	176	3,0	1	Thức	chẵn
28	000731	0901020893	Đoàn Lãnh	Thúy	26/08/2003	KD9M	177	7,1	1	Thúy	lẻ
29	000732	0901020486	Bùi Thị Ngọc	Trâm	24/12/2003	KD9M	178	8,4	1	Trâm	chẵn
30	000733	0901030684	Đỗ Thu	Trang	25/03/2003	KD9M	179	4,4	1	Trang	lẻ
31	000734	0901020329	Nguyễn Thùy	Trang	28/05/2003	KD9M	180	7,3	1	Trang	chẵn

Tổng số sinh viên dự thi: 31....

Tổng số tờ giấy thi: 31....

Tổng số biên bản: 0.....

Ngày 21 tháng 12 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

(Signature)
Nguyễn Thị Tuyết Nhung
(Signature)
Đỗ Mạnh Tuấn



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK1 2022-2023

Học phần: Nguyên lý kế toán

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000735✓	0901020303	Phan Thị Huyền	Trang	04/10/2003	KD9M	33	3,2	01	Trang	lẻ
2	000736	0901020383	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	12/02/2003	KD9M	34	4,1	01	Tú	chẵn
3	000737	0901020743	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	03/03/2003	KD9M	35	6,3	01	Tuyết	lẻ
4	000738	0901020268	Đặng Thanh	Vân	16/12/2003	KD9M	36	5,9	01	Vân	chẵn
5	000739	0901020996	Dương Anh	Vũ	18/06/2003	KD9M	37	2,2	01	Vũ	lẻ
6	000740	0901020318	Nguyễn Thị Thanh	Xuân	19/09/2003	KD9M	38	3,4	01	Xuân	chẵn
7	000741	0901020936	Phạm Lê Nhật	An	30/10/2003	KD9N	39	2,3	01	An	lẻ
8	000742	0901020166	Hoàng Minh Tuấn	Anh	06/04/2003	KD9N	40	2,9	01	Anh	chẵn
9	000743	0901030135	Lê Hải	Anh	24/09/2003	KD9N					HP,ĐK
10	000744	0901020034	Nguyễn Thị Phương	Anh	07/07/2003	KD9N	41	3,0	01	Anh	chẵn
11	000745	0901020792	Trương Tuấn	Anh	11/05/2003	KD9N					HP,ĐK
12	000746	0901020927	Nguyễn Ngọc	Ánh	17/04/2003	KD9N	42	5,4	01	Ánh	chẵn
13	000747	0901020785	Nguyễn Linh	Chi	26/08/2003	KD9N	43	2,3	01	Chi	lẻ
14	000748	0901020585	Nguyễn Thanh	Chúc	17/04/2003	KD9N	44	3,0	01	Chúc	chẵn
15	000749	0901030244	Nguyễn Thị	Diễm	27/12/2003	KD9N	45	4,2	01	Diễm	lẻ
16	000750	0901020152	Nguyễn Ngọc	Dung	03/12/2003	KD9N	46	5,7	01	Dung	chẵn
17	000751	0901020360	Mai Tùng	Dương	30/10/2003	KD9N	47	3,6	01	Dương	lẻ
18	000752	0901020446	Nguyễn Thị Hương	Giang	07/11/2003	KD9N	48	9,0	01	Giang	chẵn
19	000753	0901020335	Nguyễn Thị Ngọc	Hà	04/11/2003	KD9N	49	5,3	01	Hà	lẻ
20	000754	0901030331	Vũ Thị Mỹ	Hào	26/09/2003	KD9N	50	3,0	01	Hào	chẵn
21	000755	0901020142	Lê Thị Thúy	Hiền	13/02/2003	KD9N	51	5,3	01	Hiền	lẻ
22	000756	0901020852	Vũ Mạnh	Hiếu	24/08/2003	KD9N	52	3,0	01	Hiếu	chẵn
23	000757	0901020411	Hoàng Thị	Huệ	05/04/2003	KD9N	53	3,0	01	Huệ	lẻ
24	000758	0901020691	Phan Thùy	Hương	27/04/2003	KD9N	54	0,8	01	Hương	chẵn
25	000759	0901020213	Phạm Thị	Huyền	19/01/2003	KD9N	55	8,6	01	Huyền	lẻ
26	000760	0901020750	Lê Thị Hương	Lan	21/04/2003	KD9N	56	0,5	01	Lan	chẵn
27	000761	0901010327	Nguyễn Thị	Liên	06/11/2003	KD9N					HP,ĐK
28	000762	0901020918	Bùi Thị Phương	Linh	19/11/2003	KD9N	57	3,7	01	Linh	chẵn
29	000763	0901020880	Nguyễn Thị	Luyến	02/01/2003	KD9N	58	6,5	01	Luyến	lẻ
30	000764	0901020192	Đỗ Ngọc	Mai	21/10/2003	KD9N	59	3,9	01	Mai	chẵn
31	000765	0901020701	Trịnh Thị Ngọc	Minh	19/11/2003	KD9N	60	6,8	01	Minh	lẻ

Tổng số sinh viên dự thi: ...28..

Tổng số tờ giấy thi: ...28..

Tổng số biên bản:2.....

Ngày 21 tháng 12 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Trần Thị Lương
Nguyễn Thị Thanh Hà



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK1 2022-2023

Học phần: Nguyên lý kế toán

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000766	0901030225	Đinh Thị	Mỹ	01/07/2003	KD9N	212	2.0	01	Mỹ	
2	000767	0901030226	Nguyễn Thị Quỳnh	Nga	01/04/2003	KD9N	213	2.0	01	Nga	
3	000768	0901020256	Bùi Trọng Bảo	Ngọc	26/10/2003	KD9N	214	1.0	01	Ngọc	
4	000769	0901020170	Đào Hồng	Nhung	12/01/2003	KD9N	215	2.0	01	Nhung	
5	000770	0901020432	Nguyễn Lâm	Oanh	28/08/2003	KD9N	216	1.3	01	Lâm	
6	000771	0901030033	Nguyễn Hồng	Phúc	16/09/2003	KD9N	217	2.0	01	Phúc	
7	000772	0901020209	Vương Thị	Phương	18/10/2003	KD9N	218	7.9	02	Phương	
8	000773	0901020830	Nguyễn Thị Khánh	Quỳnh	02/09/2003	KD9N	219	1.5	01	Quỳnh	
9	000774	0901020641	Đặng Thị	Thanh	16/02/2003	KD9N	220	7.1	01	Thanh	
10	000775	0901020979	Chu Phương	Thảo	20/06/2003	KD9N	221	không	01	Thảo	
11	000776	0901030074	Nguyễn Thị Phương	Thảo	12/10/2003	KD9N	222	không	01	Thảo	
12	000777	0901020017	Nguyễn Thị Thu	Thảo	19/07/2003	KD9N	223	3.2	01	Thảo	
13	000778	0901020367	Nguyễn Thị	Thơ	30/09/2003	KD9N	224	1.3	01	Thơ	
14	000779	0901020819	Phan Thị	Thơ	08/06/2003	KD9N	225	1.9	01	Thơ	
15	000780	0901020645	Nguyễn Thị Hoài	Thương	17/05/2003	KD9N	226	6.7	01	Thương	
16	000781	0901020315	Hoàng Thị Thủy	Tiên	27/10/2002	KD9N	227	1.3	01	Tiên	
17	000782	0901020494	Hoàng Thanh	Trà	02/07/2003	KD9N	228	4.8	01	Trà	
18	000783	0901020361	Lê Quỳnh	Trang	08/11/2003	KD9N	229	1.8	01	Trang	
19	000784	0901010899	Nguyễn Thị Huyền	Trang	18/11/2003	KD9N	230	1.0	01	Trang	
20	000785	0901020030	Nguyễn Thùy	Trang	17/12/2003	KD9N	231	1.3	01	Trang	
21	000786	0901020933	Bành Thanh	Tú	18/02/2003	KD9N	232	1.4	01	Tú	
22	000787	0901020591	Hoàng Hải	Vân	04/09/2003	KD9N	233	4.3	01	Vân	
23	000788	0901030243	Lê Hồng	Vân	13/09/2003	KD9N	234	1.3	01	Vân	
24	000789	0901020705	Nguyễn Hải	Yến	08/12/2003	KD9N	235	0.8	01	Yến	
25	000790	0901080639	Bùi Lan	Anh	15/07/2003	TM9A	236	1.9	01	Anh	
26	000791	0901080648	Mai Yến	Anh	11/06/2003	TM9A	237	7.0	01	Anh	
27	000792	0901080222	Nguyễn Hoàng	Anh	01/05/2003	TM9A					HP,ĐK
28	000793	0901020812	Nguyễn Thị Tú	Anh	16/09/2003	TM9A	238	2.0	01	Anh	
29	000794	0901080709	Phạm Thị Vân	Anh	25/05/2003	TM9A	239	5.1	01	Anh	
30	000795	0901080876	Phùng Nguyễn Tú	Anh	27/09/2003	TM9A	240	7.8	01	Anh	
31	000796	0901080534	Công Phương Uyên	Chi	22/06/2003	TM9A	241	3.4	1	Anh	

Tổng số sinh viên dự thi: 30....

Ngày 21. tháng 12. Năm 2022.

Tổng số tờ giấy thi: 31....

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Tổng số biên bản: 1.....

Bùi Thị Vân

Đinh Thị Cẩm Nhung



61-89

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK1 2022-2023

Học phần: Nguyên lý kế toán

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000797	0901080356	Đỗ Thị	Chinh	08/02/2003	TM9A	61	3,4	1	Chinh	le
2	000798	0901080375	Phạm Tiến	Cường	16/03/2003	TM9A	62	3,6	1	Cường	chấn
3	000799	0901080176	Nguyễn Huyền	Đức	01/07/2000	TM9A	63	1,8	1	Huyền	le
4	000800	0901080444	Ngô Thị	Dương	22/09/2003	TM9A	64	6,6	1	Ngô	chấn
5	000801	0901080373	Nguyễn Ánh	Dương	19/08/2003	TM9A	65	6,2	1	Ánh	le
6	000802	0901080856	Nguyễn Thị Thu	Hà	18/12/2003	TM9A	66	8,1	1	Thu	chấn
7	000803	0901080517	Đào Thu	Hào	10/06/2003	TM9A	67	3,2	1	Hào	le
8	000804	0901080612	Dương Thị Thúy	Hiền	28/10/2003	TM9A	68	2,0	1	Hiền	chấn
9	000805	0901080343	Nguyễn Thị Phú	Hoa	13/11/2003	TM9A	69	1,5	1	Hoa	le
10	000806	0901080948	Nguyễn Thị Quỳnh	Hoa	22/07/2003	TM9A	70	4,3	1	Hoa	chấn
11	000807	0901080956	Vũ Thị	Hoa	12/04/2002	TM9A	71	7,1	1	Hoa	le
12	000808	0901080953	Trần Thị Bích	Huyền	13/12/2002	TM9A	72	4,3	1	Huyền	chấn
13	000809	0901080460	Nguyễn Thị Hoàng	Lê	16/09/2003	TM9A	73	8,1	1	Lê	le
14	000810	0901080262	Bùi Quang	Linh	21/03/2003	TM9A	74	0,8	1	Linh	chấn
15	000811	0901010204	Phạm Hồng Phi	Long	13/09/2003	TM9A					HP,ĐK
16	000812	0901080023	Trần Đức	Lực	27/06/2003	TM9A	75	10,1	01	Đức	chấn
17	000813	0901080962	Phạm Thị Khánh	Ly	31/01/2003	TM9A					HP,ĐK
18	000814	0901070873	Nguyễn Trà	My	13/09/2003	TM9A	76	1,7	01	My	chấn
19	000815	0901080439	Vũ Trà	My	21/01/2003	TM9A	77	4,6	01	My	le
20	000816	0901080283	Nguyễn Thanh	Nam	10/04/2003	TM9A	78	7,4	01	Nam	chấn
21	000817	0901080775	Nguyễn Hồng	Ngọc	29/11/2003	TM9A	79	1,6	01	Ngọc	le
22	000818	0901080820	Trần Thu	Nguyệt	18/12/2003	TM9A	80	2,6	01	Nguyệt	chấn
23	000819	0901080969	Phạm Thanh	Nhân	01/01/2003	TM9A	81	6,2	01	Thanh	le
24	000820	0901080091	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	16/02/2003	TM9A	82	2,7	01	Hồng	chấn
25	000821	0901080848	Vũ Thị Trang	Nhung	12/02/2003	TM9A	83	1,7	01	Trang	le
26	000822	0901080867	Trần Thị Mai	Phương	29/08/2003	TM9A	84	4,0	1	Mai	chấn
27	000823	0901080175	Đào Nguyễn Hồng	Quân	04/12/2003	TM9A	85	7,0	01	Quân	le
28	000824	0901080841	Tông Văn	Quốc	14/08/2003	TM9A	86	0,8	1	Quốc	chấn
29	000825	0901080555	Đặng Phương	Thảo	25/01/2003	TM9A	87	4,6	1	Phương	le
30	000826	0901080810	Nguyễn Phương	Thảo	30/06/2003	TM9A	88	10,1	1	Phương	chấn
31	000827	0901080970	Nguyễn Mạnh	Thiện	27/06/1993	TM9A	89	1,8	01	Mạnh	le

Tổng số sinh viên dự thi: 29....

Tổng số tờ giấy thi: 29....

Tổng số biên bản: 0.....

Ngày 24 tháng 12 năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Minh Nhật Nguyễn T. Cẩm Nhung



242-270

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK1 2022-2023

Học phần: Nguyên lý kế toán

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000828	0901030621	Nguyễn Xuân	Thu	23/03/2003	TM9A	242	3,1	1	Thu	chẵn
2	000829	0901080442	Vũ Thị	Trà	14/12/2003	TM9A	243	6,9	1	Trà	Lẻ
3	000830	0901030461	Đặng Thị	Trang	11/06/2003	TM9A	244	3,5	01	Trang	Chẵn
4	000831	0901080450	Đỗ Thị Huyền	Trang	29/05/2003	TM9A	245	5,1	01	Trang	Lẻ
5	000832	0901080509	Nguyễn Thị Hồng	Trang	13/01/2003	TM9A	246	5,6	01	Trang	Chẵn
6	000833	0901080431	Nguyễn Thị Thùy	Trang	19/08/2003	TM9A	247	7,7	1	Trang	Lẻ
7	000834	0901080216	Lê Quang	Trường	25/08/2003	TM9A	248	4,7	1	Trường	chẵn
8	000835	0901080010	Lê Thị	Tuyền	18/08/2003	TM9A	249	6,1	1	Thuyền	chẵn
9	000836	0901080604	Đới Thị	Vân	07/02/2003	TM9A	250	2,7	1	Vân	Chẵn
10	000837	0901080632	Phan Hà	Vy	23/09/2003	TM9A	251	3,7	1	Vy	Lẻ
11	000838	0901080889	Nguyễn Hải	Yến	15/09/2003	TM9A	252	9,3	1	Yến	Chẵn
12	000839	0901080582	Nguyễn Hồng	Yến	08/10/2003	TM9A	253	4,3	1	Yến	Lẻ
13	000840	0901070539	Bùi Thị Phương	Dung	30/06/2003	KL9A	254	9,5	1	Dung	chẵn
14	000841	0901070650	Vũ Thị Thu	Hiền	01/12/2003	KL9A	255	9,8	1	Hiền	Lẻ
15	000842	0901070462	Lê Hoàng	Linh	18/12/2003	KL9A	256	7,9	1	Linh	chẵn
16	000843	0901070938	Trần Thế	Son	21/01/2003	KL9A	257	5,6	1	Son	Lẻ
17	000844	0901070139	Trần Hoàng	Anh	03/07/2003	QL9A	258	4,6	01	Anh	chẵn
18	000845	0901010794	Phạm Duy	Bách	09/12/2003	QL9A	259	5,6	1	Bách	Lẻ
19	000846	0901020094	Đỗ Văn	Bình	19/10/2003	QL9A	260	8,5	1	Bình	chẵn
20	000847	0901040766	Hoàng Minh	Châu	15/12/2003	QL9A	261	9,8	1	Châu	Lẻ
21	000848	0901070485	Phạm Khánh	Chi	13/10/2003	QL9A	262	8,2	1	Chi	chẵn
22	000849	0901070240	Nguyễn Vũ	Đức	15/12/2003	QL9A	263	8,6	1	Đức	Lẻ
23	000850	0901080919	Đỗ Thanh Diệu	Hiền	08/12/2003	QL9A					HP,ĐK
24	000851	0901070609	Trần	Hoàn	09/07/2003	QL9A	264	2,0	1	Hoàn	Lẻ
25	000852	0901070735	Trần Ngọc	Linh	14/07/2003	QL9A	265	5,3	1	Linh	Chẵn
26	000853	0901070552	Vũ Thùy	Linh	16/09/2003	QL9A	266	9,8	2	Linh	Lẻ
27	000854	0901080877	Phạm Thị Tổ	Nga	02/10/2003	QL9A	267	8,4	1	Nga	chẵn
28	000855	0901020954	Lương Đức	Thao	20/11/2003	QL9A	268	6,6	1	Thao	Lẻ
29	000856	0901070772	Đào Việt	Tuấn	10/05/2003	QL9A	269	2,4	1	Tuấn	chẵn
30	000857	0901070788	Trương Thị	Uyên	01/05/2003	QL9A	270	6,7	1	Uyên	Lẻ

Tổng số sinh viên dự thi: 30

Tổng số tờ giấy thi: 30

Tổng số biên bản: 6

Ngày 21 tháng 12 năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Phạm T. Phuong

Phạm T. Mi